

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên

**: Đàm Thu Huyền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỒNG DƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên

**: Đàm Thu Huyền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng**

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đàm Thu Huyền

Mã SV: 1112401233

Lớp: QT1502K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ):

- Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .
- Khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:

Số liệu năm 2014

3. Địa điểm thực tập:

CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Thị Thúy Hồng*

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015.

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015.

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đàm Thu Huyền

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm tốt nghiệp:

- Tinh thần, thái độ nghiêm túc trong quá trình làm tốt nghiệp,
- Chịu khó, ham học hỏi tiếp thu ý kiến của giáo viên.
- Hoàn thành khoá luận đúng thời gian quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ ĐTTN trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu)

Khoá luận có kết cấu khoa học và hợp lý, được chia thành 3 chương:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp: Tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lý luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học.

- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương: Tác giả trình bày tương đối khoa học và hợp lý phần hạch toán giá vốn, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu minh họa năm 2014. Số liệu được dẫn dắt từ chứng từ vào đến sổ sách và báo cáo tương đối logic và hợp lý.

- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương: Tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu. Các ý kiến đưa ra đều có cơ sở khoa học, hợp lý và được tính toán cụ thể, có sức thuyết phục.

3. Cho điểm của giáo viên hướng dẫn (ghi cả bằng số và chữ):

Bằng số :

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2014

Giáo viên hướng dẫn

Ths.Nguyễn Thị Thuý Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN 1:	3
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Một số vấn đề chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.2. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán	7
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	8
1.2.1. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	8
1.2.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.3. Nội dung công tác kế toán giá vốn, chi phí quản lý kinh doanh	15
1.2.4. Nội dung công tác kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	19
1.2.5. Nội dung công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác	22
1.2.6. Nội dung công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh	24
1.3. Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	26
CHƯƠNG II	28
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG	28
2.1. Khái quát về Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Dương	28
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	28
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Hồng Dương	29
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hồng Dương	30
2.2. Khái quát tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Hồng Dương	31
2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán	31

2.2.2. Chính sách và phương pháp kế toán	32
2.3. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hồng Dương.....	34
2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.....	34
2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Hồng Dương.....	45
2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	51
2.3.4. Kế toán hoạt động tài chính của Công ty	57
2.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	64
CHƯƠNG III	74
MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG	74
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương	74
3.1.1. Những kết quả đạt được	74
3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục.....	75
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương.	76
3.2.1. Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty	77
3.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán.....	79
3.2.3. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.....	81
KẾT LUẬN	89

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp.....	12
Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.....	13
Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm.	13
Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng	14
Sơ đồ 1.5: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	14
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán.....	17
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	18
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	20
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính.....	21
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	23
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	23
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	25
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán nhật ký chung.....	27
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Hồng Dương.....	30
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH Hồng Dương	31
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	33
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Hồng Dương.....	36
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán.....	46
Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương.....	52
Sơ đồ 2.7: quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty	58
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh	64

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT đầu ra	38
Biểu số 2.2: Lệnh thanh toán.....	39
Biểu số 2.3: Sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	40
Biểu số 2.4: Sổ tổng hợp thanh toán với người mua.....	41
Biểu số 2.5: Sổ chi tiết bán hàng.....	42
Biểu số 2.6: Sổ nhật ký chung.....	43
Biểu số 2.7: Sổ cái TK 511	44
Biểu số 2.8: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh.....	47
Biểu số 2.9: Phiếu kế toán số 201	48
Biểu số 2.10: Sổ nhật ký chung.....	49
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632	50
Biểu số 2.12: Hóa đơn dịch vụ viễn thông.....	53
Biểu số 2.13: Phiếu chi số 315	54
Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung.....	55
Biểu số 2.15: Sổ cái TK 642	56
Biểu số 2.16: Phiếu thu lãi tự động	59
Biểu số 2.17: Giấy báo có số 30.11.....	60
Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung.....	61
Biểu số 2.19: Sổ cái TK515	62
Biểu số 2.20: Sổ cái TK635	63
Biểu số 2.21: Phiếu kế toán số 220	66
Biểu số 2.22: Phiếu kế toán số 221	67
Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 222	67
Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 223	68
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 224	68
Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 225	69
Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 226	69
Biểu số 2.28: Sổ nhật ký chung.....	70
Biểu số 2.29: Sổ cái TK911	71

Biểu số 2.30:Sổ cái tài khoản 421	72
Biểu số 2.31: Báo cáo kết quả kinh doanh 2014.....	73
Biểu số 3.1: Sổ nhật ký bán hàng.....	80
Biểu số 3.2: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	84
Biểu số 3.3: Phiếu kế toán số 227	86
Biểu số 3.4: Sổ nhật ký chung.....	87
Biểu số 3.5: Sổ cái TK642	88

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay nền kinh tế nước ta đang trên đà phát triển, từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và Thế giới. Hòa chung xu thế đó vừa là cơ hội để nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế, vừa là thách thức mà chúng ta phải vượt qua. Các doanh nghiệp không chỉ có sự cạnh tranh trong nước mà còn phải chịu sự cạnh tranh khốc liệt với thị trường nước ngoài. Vậy làm thế nào để các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, phát triển bền vững? Trong khi đó phát triển bền vững luôn là một trong những vấn đề hết sức quan trọng để đưa nền kinh tế nước nhà đi lên. Đây thực sự là một bài toán khó cần phải giải quyết đối với mỗi doanh nghiệp. Một công cụ không thể thiếu góp phần quyết định tới thành công của các doanh nghiệp đó là công tác kế toán. Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kế toán tài chính không những có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát hoạt động kinh tế mà còn vô cùng quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp. Công tác hạch toán kế toán vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật, nó phát huy tác dụng như một công cụ sắc bén, có hiệu lực phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế như hiện nay.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, cùng với những kiến thức đã học ở trường, qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Dương, với sự hướng dẫn của giảng viên – Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng em đã đi sâu lựa chọn đề tài : “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Dương*” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Nghiên cứu khảo sát thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở doanh nghiệp.

- Vận dụng lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vào nghiên cứu thực tiễn ở Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Dương.

- Từ đó phân tích những vấn đề còn tồn tại, đề xuất các ý kiến và những

giải pháp chủ yếu nhằm kiện toàn phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- **Đối tượng nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu là việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Dương.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Phạm vi của bài khóa luận là những kiến thức về lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó, em nghiên cứu việc tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Dương, số liệu minh họa được lấy ở tháng 11 năm 2014.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp hạch toán kế toán: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối.

- Phương pháp phân tích so sánh...

- Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

5. Kết cấu của khóa luận

Bài khóa luận tốt nghiệp ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 phần:

- Phần 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vừa và nhỏ.

- Phần 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Dương.

- Phần 3: Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Dương.

PHẦN 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Một số vấn đề chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu

a. Khái niệm doanh thu

Theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14 về doanh thu và thu nhập khác thì doanh thu được hiểu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng thêm vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

➤ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng bao gồm các khoản phụ phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

➤ Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu.

➤ Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu nhập liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Phải theo dõi riêng biệt và chi tiết từng loại doanh thu: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính... nhằm xác định đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và lập báo cáo kết quả kinh doanh.

b. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm có:

➤ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) với số lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận đã ghi trên hợp đồng hoặc cam kết kinh tế mua bán hàng.

➤ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách, hoặc không đúng với thời hạn ghi trong hợp đồng.

➤ **Giá trị hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán được xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách... Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

➤ **Các loại thuế:** Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất lưu thông đến tiêu dùng, thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ báo cáo.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác có nghĩa vụ phải nộp thuế này. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số

thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh các mặt hàng, dịch vụ mà nhà nước không khuyến khích sản xuất kinh doanh như: Rượu, bia, thuốc lá, ...

c. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.1.1.2. Khái niệm về chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để duy trì hoạt động kinh doanh trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm:

➤ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị vốn của hàng hóa, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

➤ **Chi phí bán hàng:** Là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu bao bì; chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ bộ phận bán hàng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ...; chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa; chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: Chi

phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng, đại lý và các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các khoản kể trên như: Chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, hàng hoá...

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định; chi phí về vật liệu, nhiên liệu xuất dùng, chi phí cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung; chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp, thuế, lệ phí: Thuế nhà đất, thuế môn bài...

➤ **Chi phí hoạt động tài chính:** Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí này phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ, tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này

giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.
- **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.
- **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.2. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán

1.1.2.1. Các phương thức bán hàng

Bán hàng là quá trình cuối cùng trong chu kỳ kinh doanh. Nếu đẩy mạnh được quá trình bán hàng sẽ góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

➤ **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại phân xưởng sản xuất mà không qua kho của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Bán hàng trực tiếp bao gồm 2 hình thức bán buôn và bán lẻ:

+ **Bán buôn:** Là hình thức bán hàng với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: Bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

- Phương thức bán buôn hàng hóa qua kho: Là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

- Phương thức bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng: Là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng, doanh nghiệp không nhập kho mà vận chuyển thẳng cho bên mua tại kho người bán. Bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng thì khi đó hàng hóa được chấp nhận là tiêu thụ.

+ **Bán lẻ**: Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

➤ **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng**: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo đi a điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ về số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

➤ **Phương thức bán hàng qua đại lý**: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng hoa hồng đại lý hoặc chênh lệch giá.

➤ **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp**: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm nhận hàng. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi xuất nhất định.

➤ **Phương thức trao đổi hàng**: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa khác. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

1.1.2.2. Các phương thức thanh toán

Việc tiêu thụ hàng hóa nhất thiết được thanh toán với người mua, bởi vì chỉ khi nào doanh nghiệp thu nhận được đầy đủ tiền bán hàng hoặc sự chấp nhận trả tiền của khách hàng thì việc tiêu thụ mới được ghi nhận trên sổ sách kế toán. Việc thanh toán với người mua về hàng hóa bán ra được thực hiện bằng:

- Phương thức trả ngay bằng tiền mặt
- Phương thức thanh toán chuyển khoản
- Phương thức thanh toán trả chậm, trả góp

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng nhu cầu về quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.
- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.
- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính

1.2.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mã số 01GTGT)
- Hóa đơn bán hàng (Mã số 01GTKT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng...)
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho...

- Bảng kê hóa đơn chứng từ dịch vụ bán ra
- Báo cáo cung cấp dịch vụ

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 511:** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511:

Bên Nợ	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp - Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm hàng hóa dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 4 tài khoản cấp 2:

- TK5111 : Doanh thu bán hàng hóa
- TK5112 : Doanh thu bán thành phẩm
- TK5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK5118 : Doanh thu khác

- **Tài khoản 521:** Các khoản giảm trừ doanh thu

TK521 không có số dư cuối kỳ và gồm 3 tài khoản cấp 2:

- TK5211 : Chiết khấu hàng hóa
- TK5212 : Hàng bán bị trả lại
- TK5213 : Giảm giá hàng bán

Tài khoản 5211: Chiết khấu hàng hóa

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng)

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK5211:

Bên Nợ	Bên Có
Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng	Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

- **Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém hay mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ báo cáo

Chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trong hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 642.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 5212:

Bên Nợ	Bên Có
--------	--------

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán	Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

➤ **Tài khoản 5213:** Giảm giá hàng bán

Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém hoặc mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

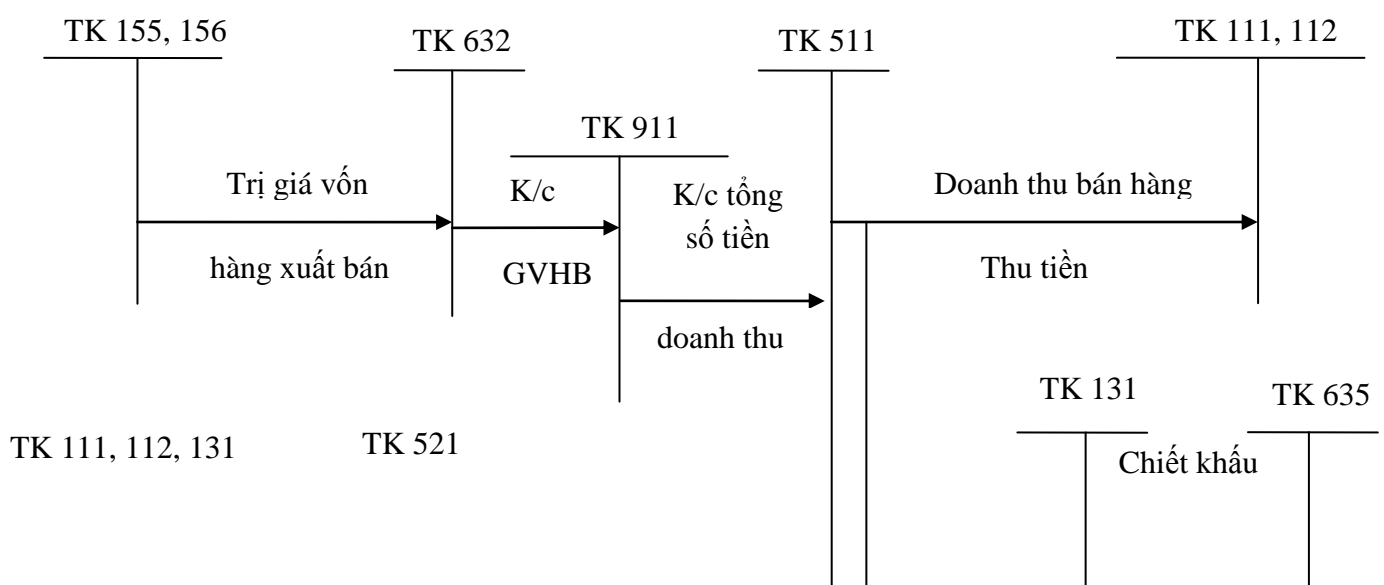
Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán mất hoặc kém phẩm chất...

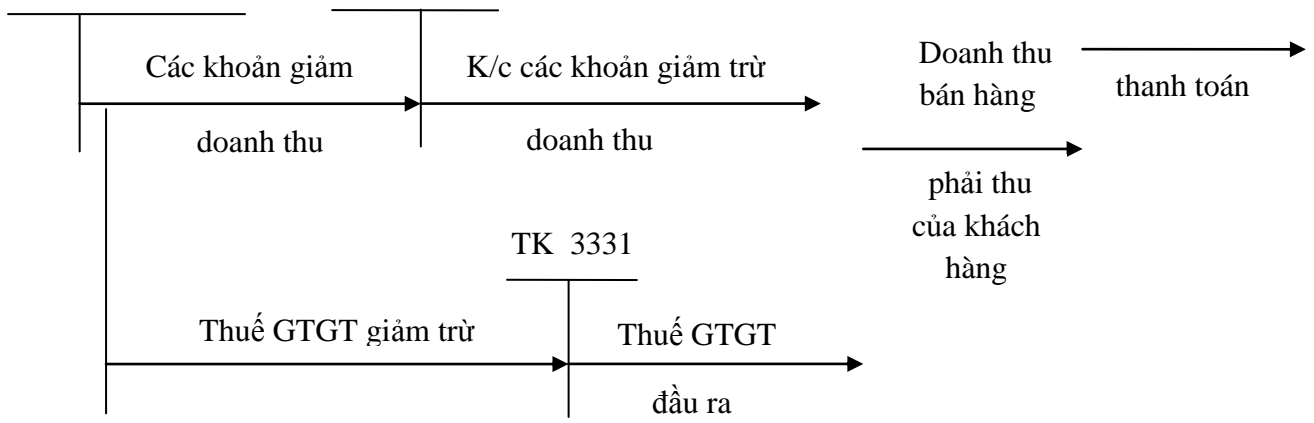
Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 5213:

Bên Nợ	Bên Có
Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng kém hoặc mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế	Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang bên nợ TK511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

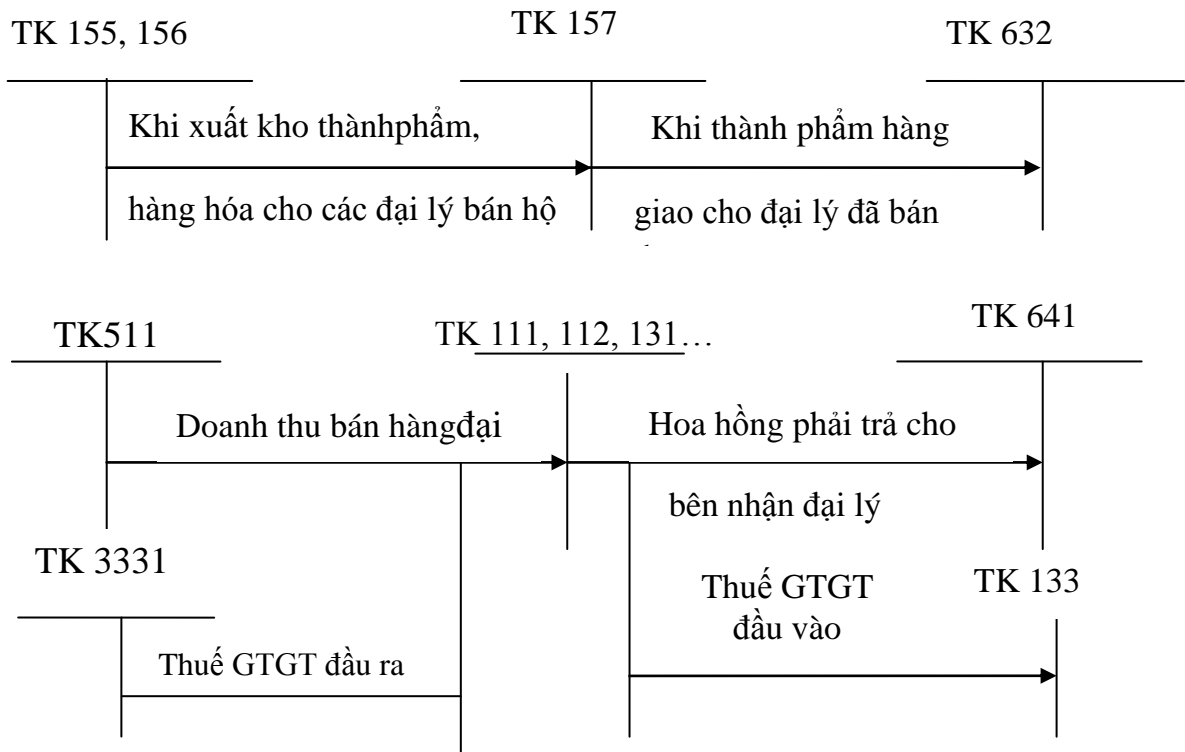
Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



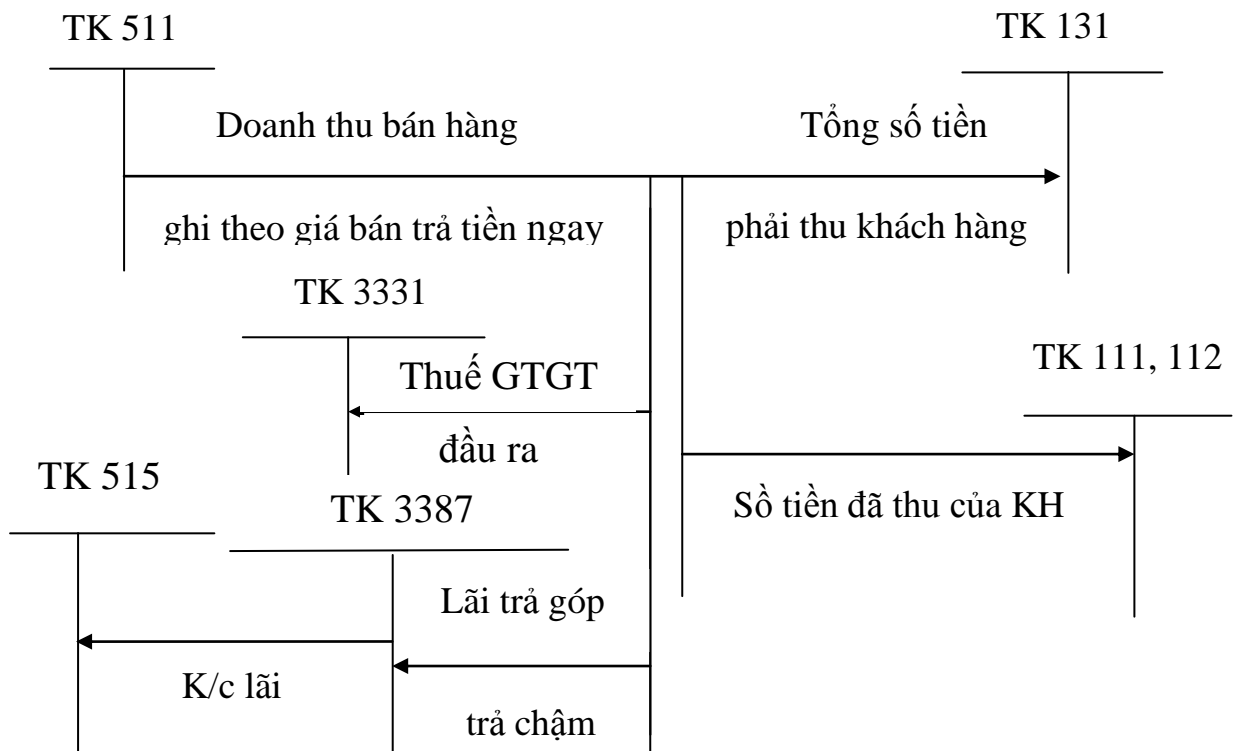


Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

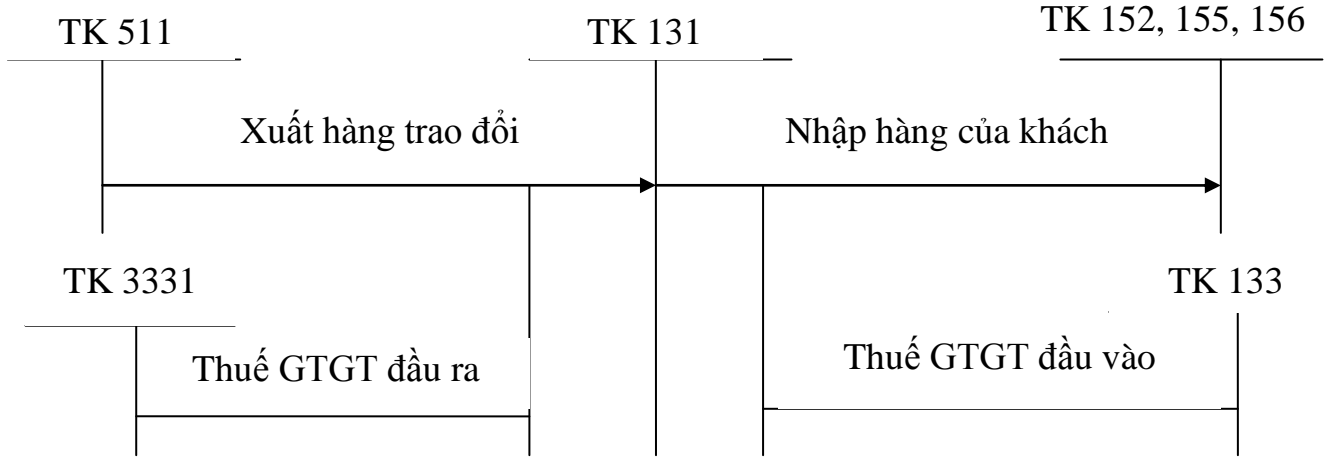
Bên giao đại lý:



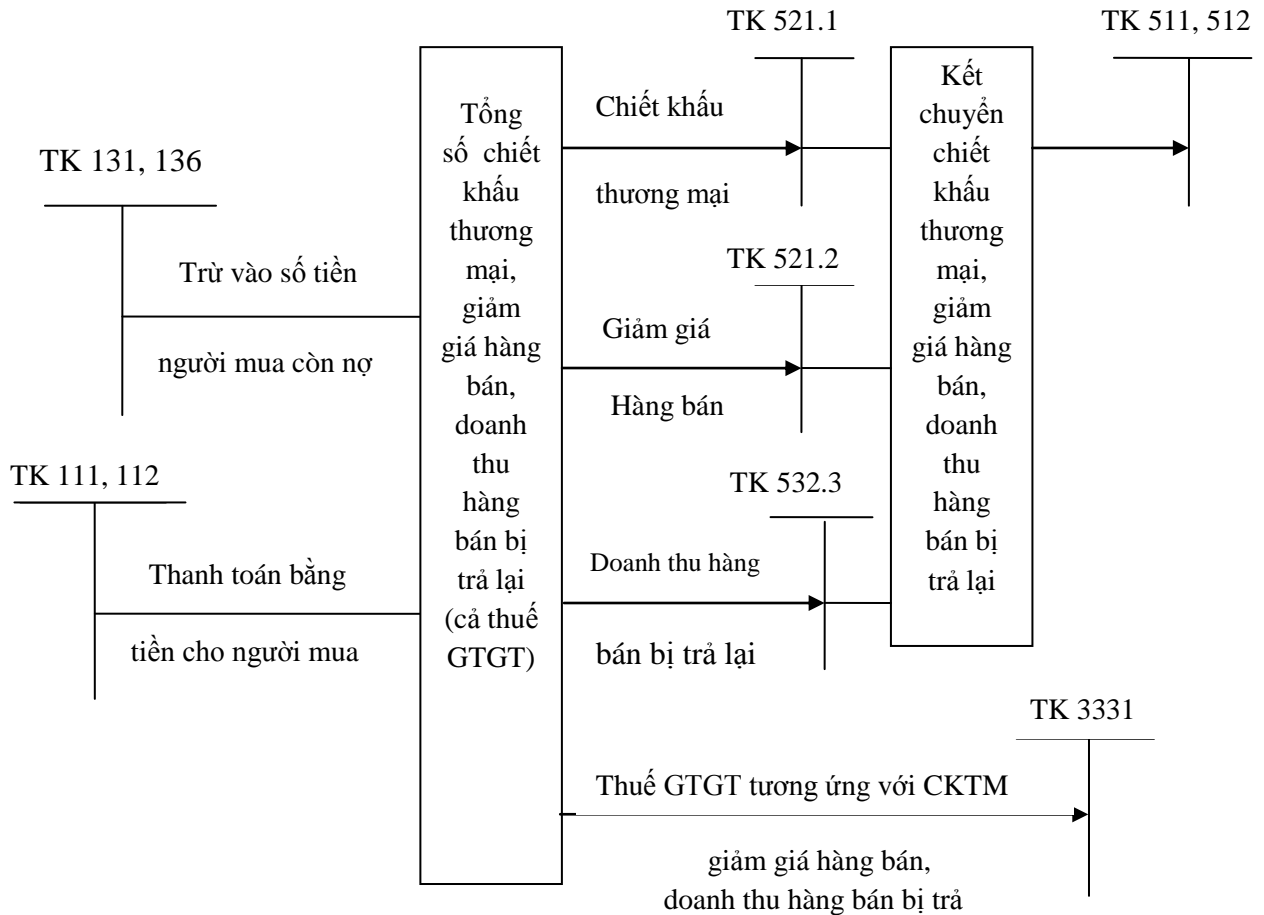
Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm



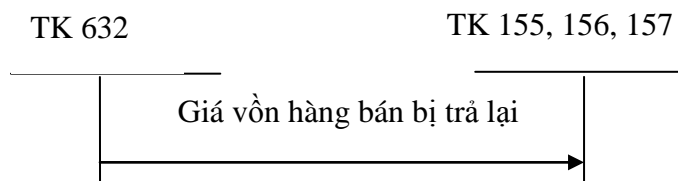
Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.5: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



Trường hợp hàng bán bị trả lại phản ánh thêm nghiệp vụ sau:



1.2.3. Nội dung công tác kế toán giá vốn, chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hóa đơn GTGT (Mã số 01GTGT)
- Hóa đơn bán hàng (Mã số 01GTKT)
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 632** – Giá vốn hàng bán:

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

Ngoài ra tài khoản này còn phản ánh trị giá hàng hóa, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK632:

Bên Nợ	Bên Có
- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “ xác định kết quả kinh doanh”
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ	- Khoản này nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân	- Trị giá hàng bán bị trả

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	lại nhập kho
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt mức bình thường không được phản ánh vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành	
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ	

➤ **Tài khoản 642:** Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và có 2 tài khoản cấp 2:

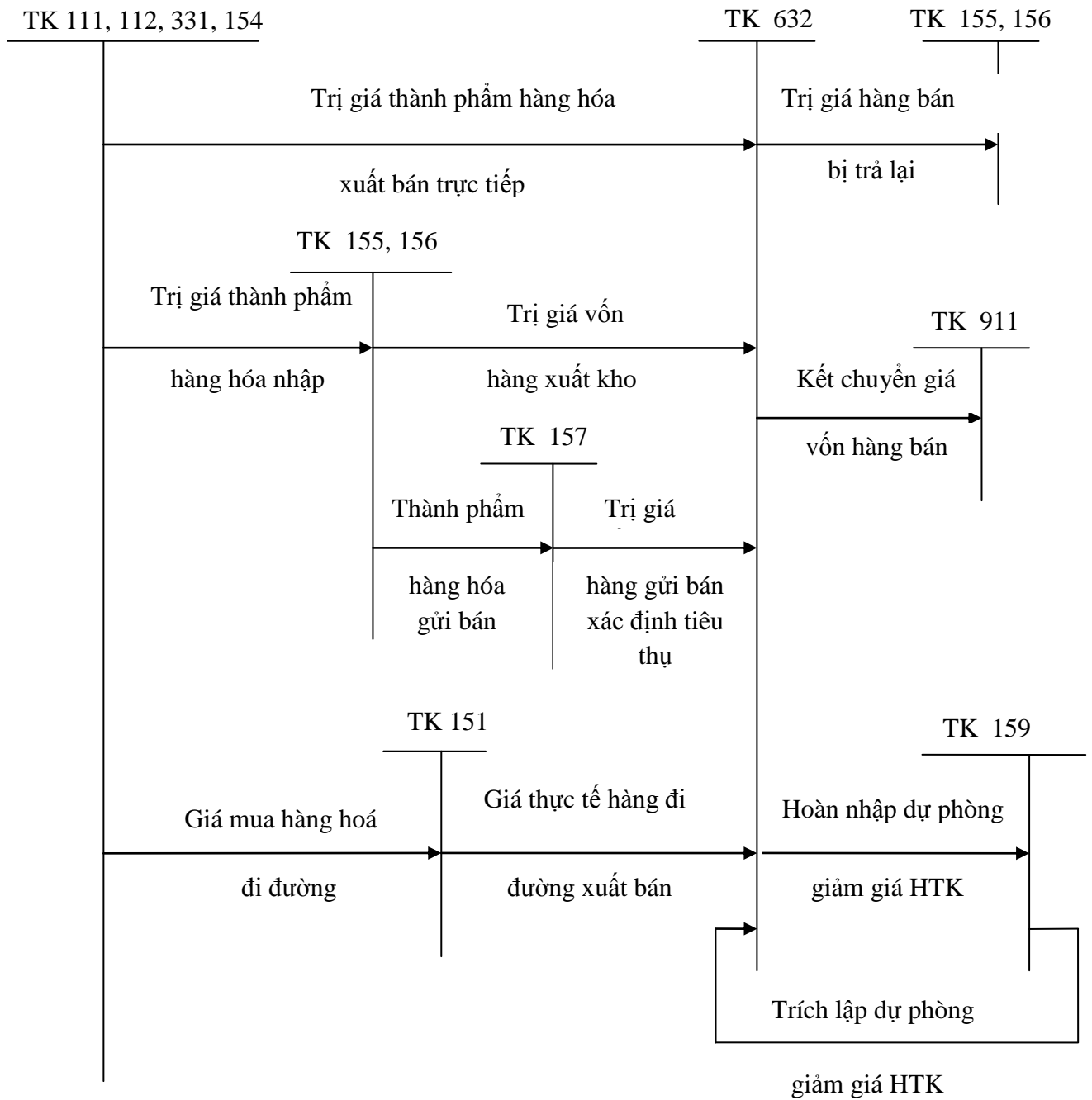
- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK642:

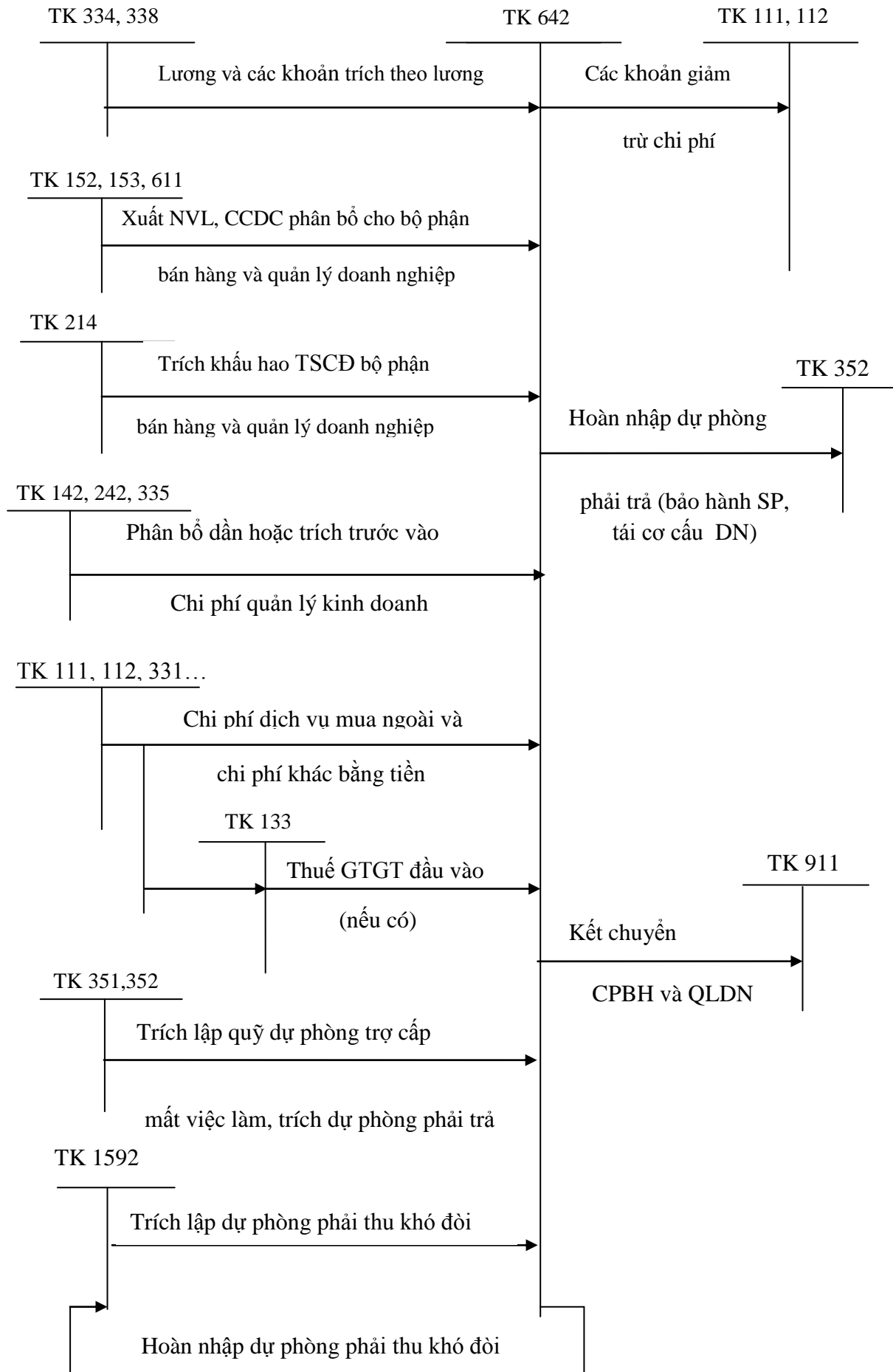
Bên Nợ	Bên Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ	- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	
- Dự phòng trợ cấp việc làm	
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

2.3.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4. Nội dung công tác kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng theo dõi các khoản doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 515:** Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK515:

Bên Nợ	Bên Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK911 để xác định kết quả kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none">- Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia.- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.- Chiết khấu thanh toán được hưởng.- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh.
Cộng phát sinh Nợ	Cộng phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 635:** Chi phí hoạt động tài chính

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK635:

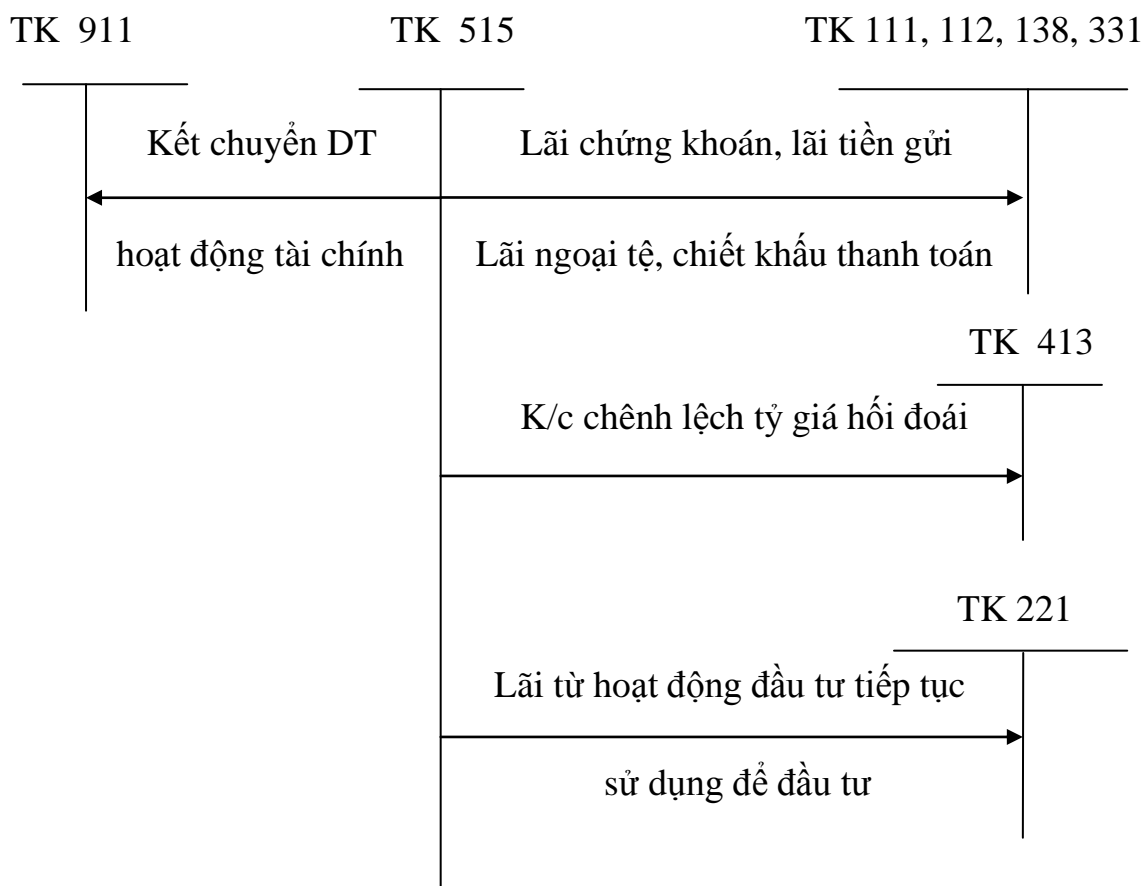
Bên Nợ	Bên Có
<ul style="list-style-type: none">- Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính- Chiết khấu thanh toán cho người mua	<ul style="list-style-type: none">- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư - Lỗ bán ngoại tệ - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

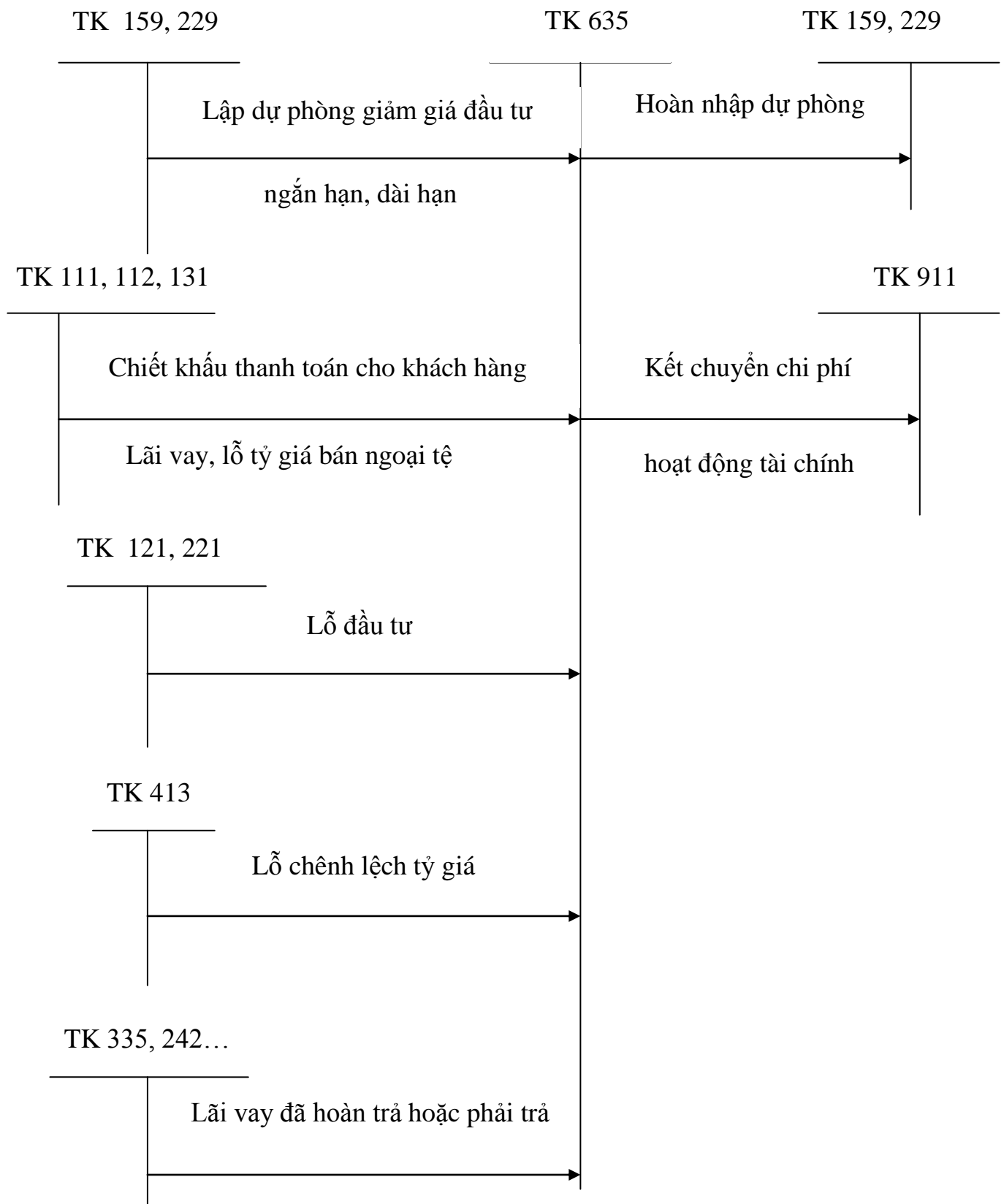
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.5.Nội dung công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Sổ theo dõi các khoản thu nhập khác
- Sổ theo dõi các khoản chi phí khác

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 711:** Thu nhập khác

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK711:

Bên Nợ	Bên Có
-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. -Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 811:** Chi phí khác

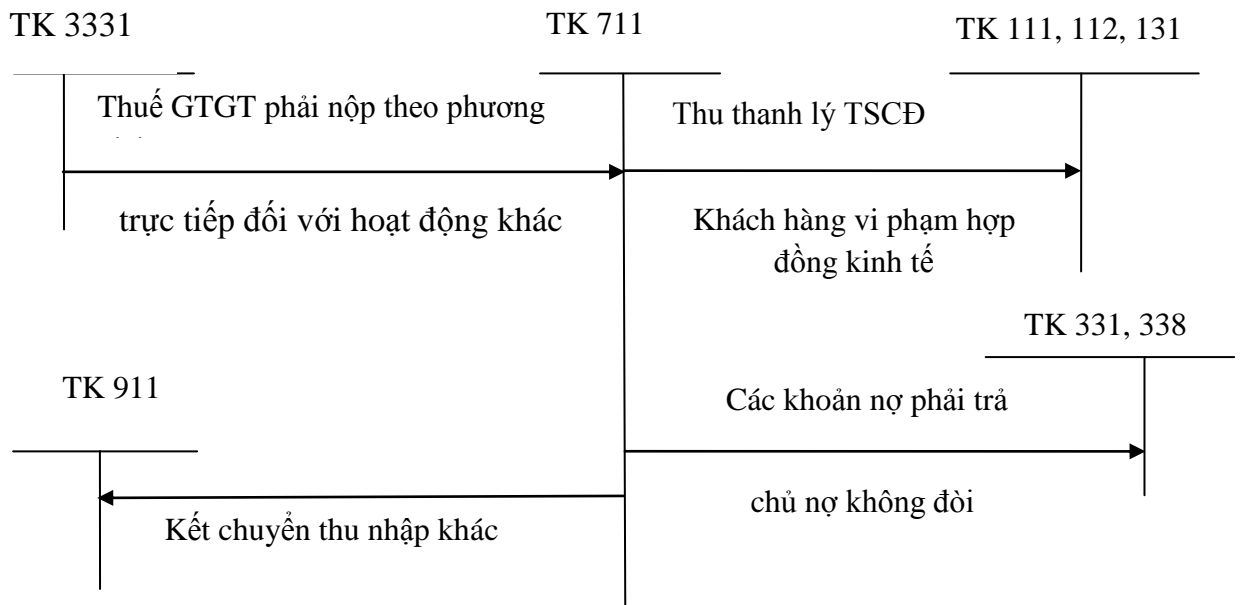
Kết cấu và nội dung phản ánh của TK811:

Bên Nợ	Bên Có
Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

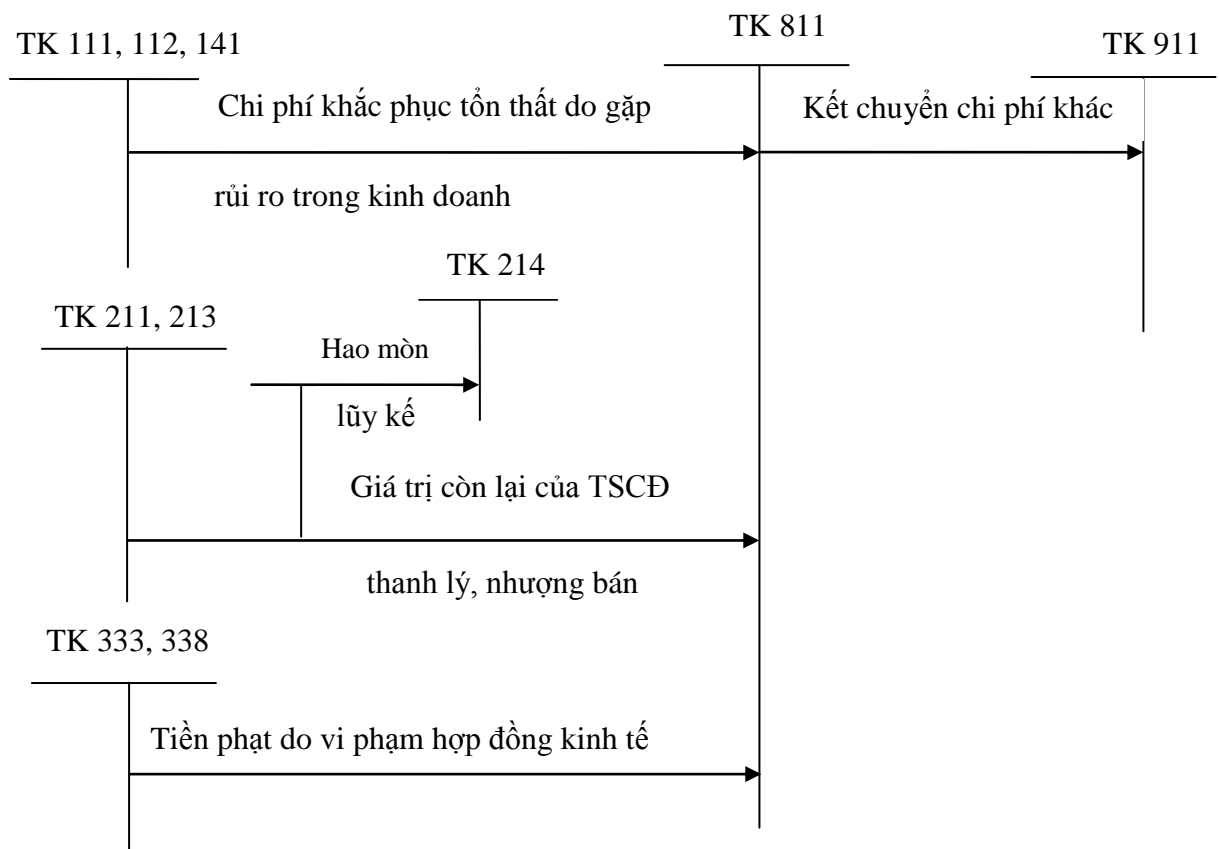
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác



1.2.6. Nội dung công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911:** Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu của TK911: Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Bên Nợ	Bên Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ bán ra trong kỳ	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ bán ra trong kỳ
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác	- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	- Kết chuyển lỗ
- Kết chuyển lãi	
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

- **Tài khoản 421:** Lợi nhuận chưa phân phối

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK421:

Bên Nợ	Bên Có
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp	- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên cấp trên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà cung cấp, các bên tham gia liên doanh	- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh	
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên	
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

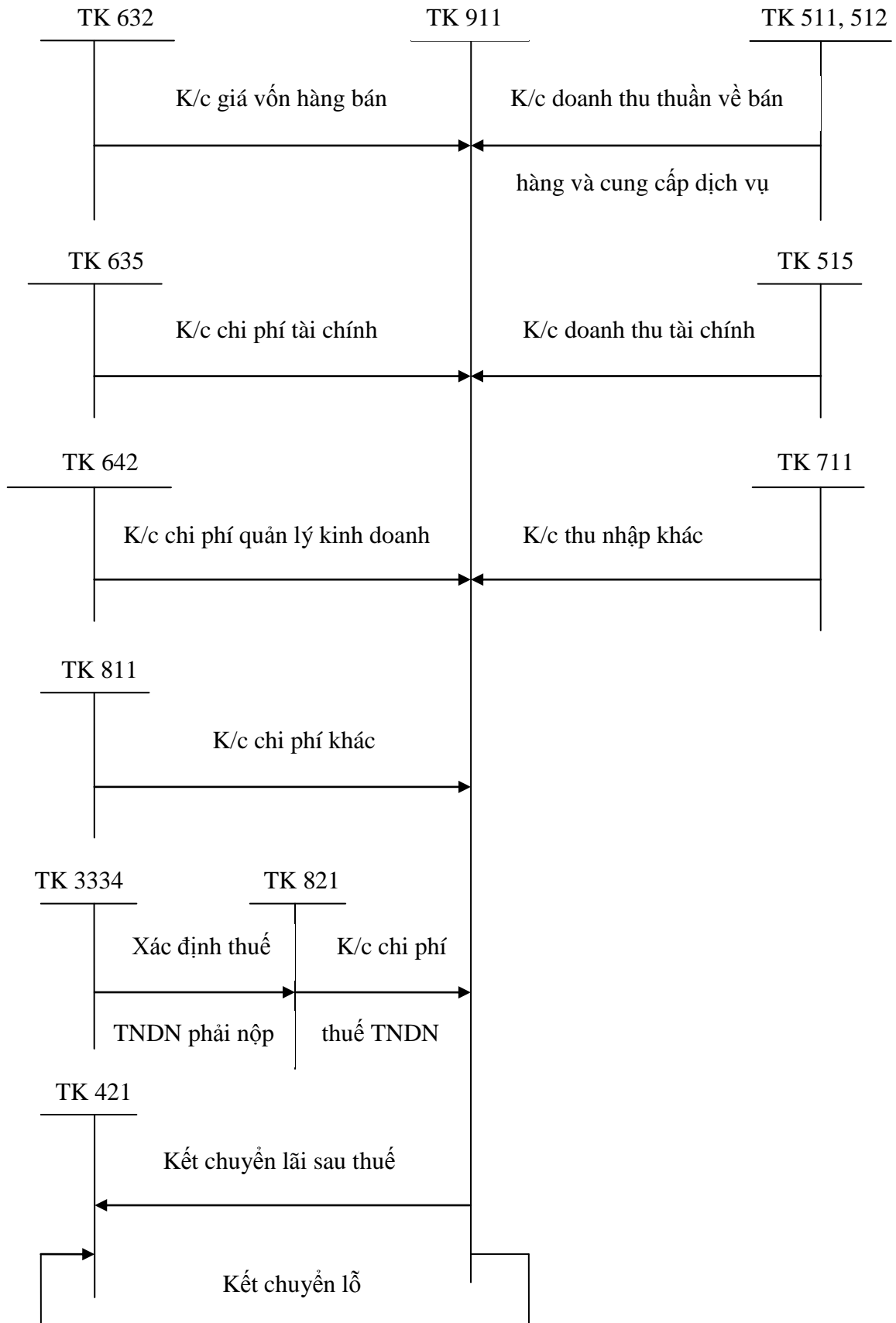
Tài khoản 421 có thể có số dư bên Nợ hoặc bên Có

Bên Nợ: **Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý**

Bên Có: **Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng**

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian của doanh nghiệp. Dưới đây là các loại sổ kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

➤ Hệ thống sổ kế toán chi tiết

Để phục vụ yêu cầu về quản lý chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán mở sổ chi tiết cho các tài khoản: 155, 156, 632, 511, 512, 531, 532, 911...

➤ Hệ thống sổ kế toán tổng hợp

Tùy theo hình thức kế toán doanh nghiệp áp dụng mà hệ thống sổ kế toán tổng hợp sẽ khác nhau

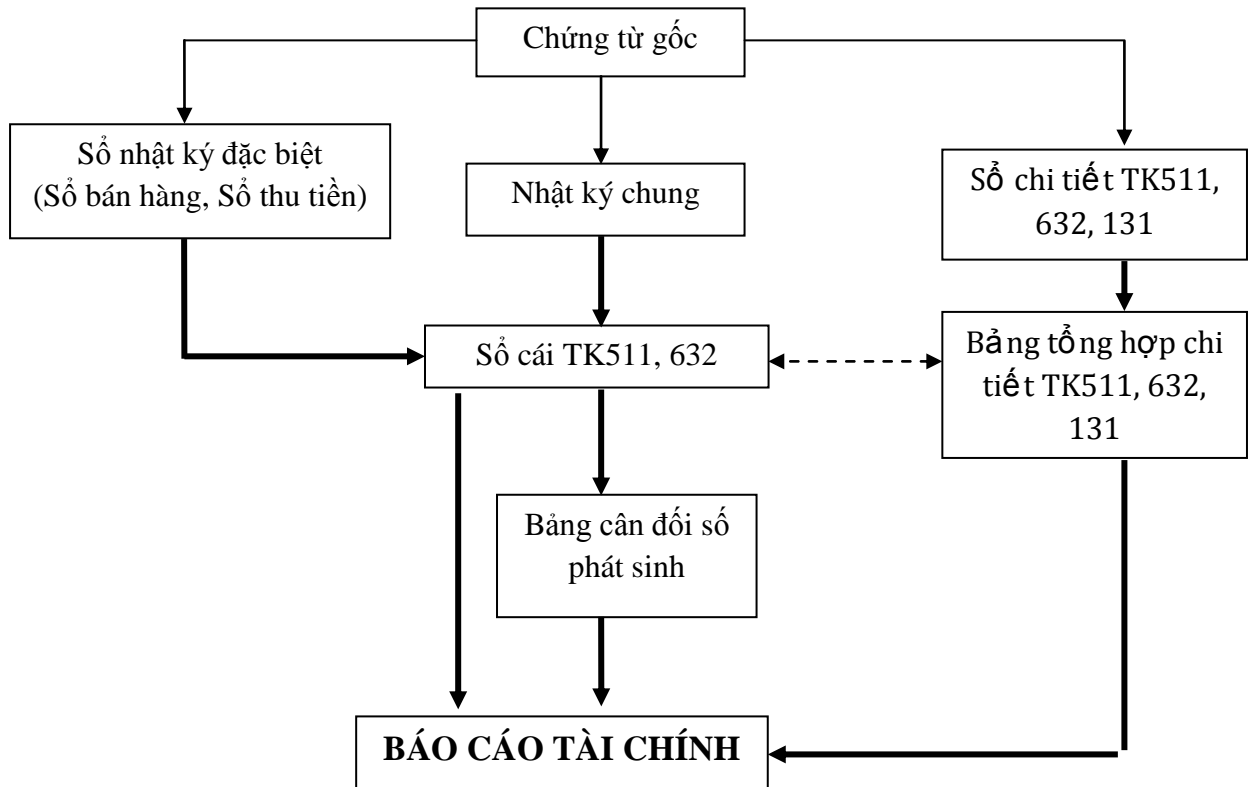
Đối với các doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung thì hệ thống sổ kế toán tổng hợp sử dụng để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký chung
- Phiếu kế toán
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Các bảng tổng hợp chi tiết

➤ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào những đối tượng cần theo dõi chi tiết và sổ quỹ. Định kỳ, từ nhật ký chung và sổ quỹ kế toán tiến hành ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời, tiến hành đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết, kế toán ghi vào bảng cân đối kế toán. Khi tất cả số liệu trên bảng cân đối khớp, kế toán tiến hành lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →
- Đối chiếu, kiểm tra ←- - - ->

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

2.1. Khái quát về Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Dương

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

a. Giới thiệu về công ty:

- Tên công ty : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỒNG DƯƠNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần 3 số: **0202000162** do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 06/07/2005.
- Mã số thuế : **0200414216** do cục thuế Nhà Nước Hải Phòng cấp ngày 14/02/2001.
- Địa chỉ trụ sở : An Lợi – An Lư – Thủy Nguyên – Hải Phòng
- Điện thoại : 031.3874322 – Fax: 031.3573911
- Người đại diện : Ông **Trần Văn Mận** – Chức danh: Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hoá đường biển tuyến nội địa, kinh doanh than mỏ.
- Vốn chủ sở hữu: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng chẵn).

b. Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty TNHH Hồng Dương được thành lập từ năm 2000. Những ngày đầu mới thành lập Công ty gặp khó khăn về nhiều mặt: Các Ngân hàng, các nhà đầu tư chưa thấy niềm tin và tiềm lực của doanh nghiệp. Sau hơn một năm đầu cán bộ công nhân viên phải tự tiến hành khai thác nguồn hàng, tự tìm khách hàng và vốn thì thực hiện chiến lược lấy ngắn nuôi dài tự trang trải nên rất vất vả và bết tắc. Mặc dù vận tải hàng hóa đường biển là nghề nguy hiểm và có nhiều rủi ro, thường xuyên phải xa nhà lên đênh trên biển nhưng bù lại Công ty có đội ngũ nhân viên yêu nghề và say mê công việc. Giám đốc công ty là người đã từng làm nghề, ông trực tiếp tham gia vào công việc nên nắm bắt rất rõ tâm lý người thủy thủ. Do vậy khi tiến hành tuyển dụng và sử dụng nhân công ông đã cân nhắc hợp lý việc dùng người, có những chế độ hết sức hợp lý đối với nhân viên của mình: Từ việc thu nhập bình quân tháng đến các chế độ đãi ngộ của Công ty: Thưởng phạt phân minh, sát sao công việc trên từng chuyến hàng. Đến nay sau 15 năm hoạt động, mặc dù là công ty tư nhân song Công ty TNHH Hồng Dương đã thiết lập và tạo được mối quan hệ hợp tác chiến lược lâu dài, thực hiện các hợp đồng kinh tế vận chuyển khai thác có giá trị với các đối tác, tạo uy tín, vị thế của mình trên thị trường vận tải Hải Phòng.

Mặc dù trong điều kiện nền kinh tế nói chung, nền kinh tế vận tải hàng hoá đường thủy nói riêng gặp vô vàn khó khăn nhưng bằng kinh nghiệm và nhiệt huyết của mình ban lãnh đạo công ty vẫn cố gắng đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của công ty luôn có hiệu quả, khả năng tăng trưởng tốt, tạo việc làm ổn định cho đội ngũ cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên của công ty.

Nhằm thích ứng trong điều kiện mới hội nhập kinh tế công ty TNHH Hồng Dương luôn không ngừng phấn đấu để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả, duy trì mối quan hệ tốt với các chủ hàng trong nước và quốc tế, dần khẳng định vị thế và năng lực kinh doanh vận tải của Công ty.

c.Những thay đổi về chủ sở hữu:

- Lần 1: (Lần đầu thành lập doanh nghiệp): Ngày 20/12/2000: Vốn chủ sở hữu là: 5.000.000.000VNĐ
- Lần 2: Ngày thay đổi: 11/8/2004: Vốn chủ sở hữu là: 9.960.000.000 VNĐ
- Lần 3: Ngày thay đổi: 06/07/2005: Vốn chủ sở hữu: 5.000.000.000 VNĐ

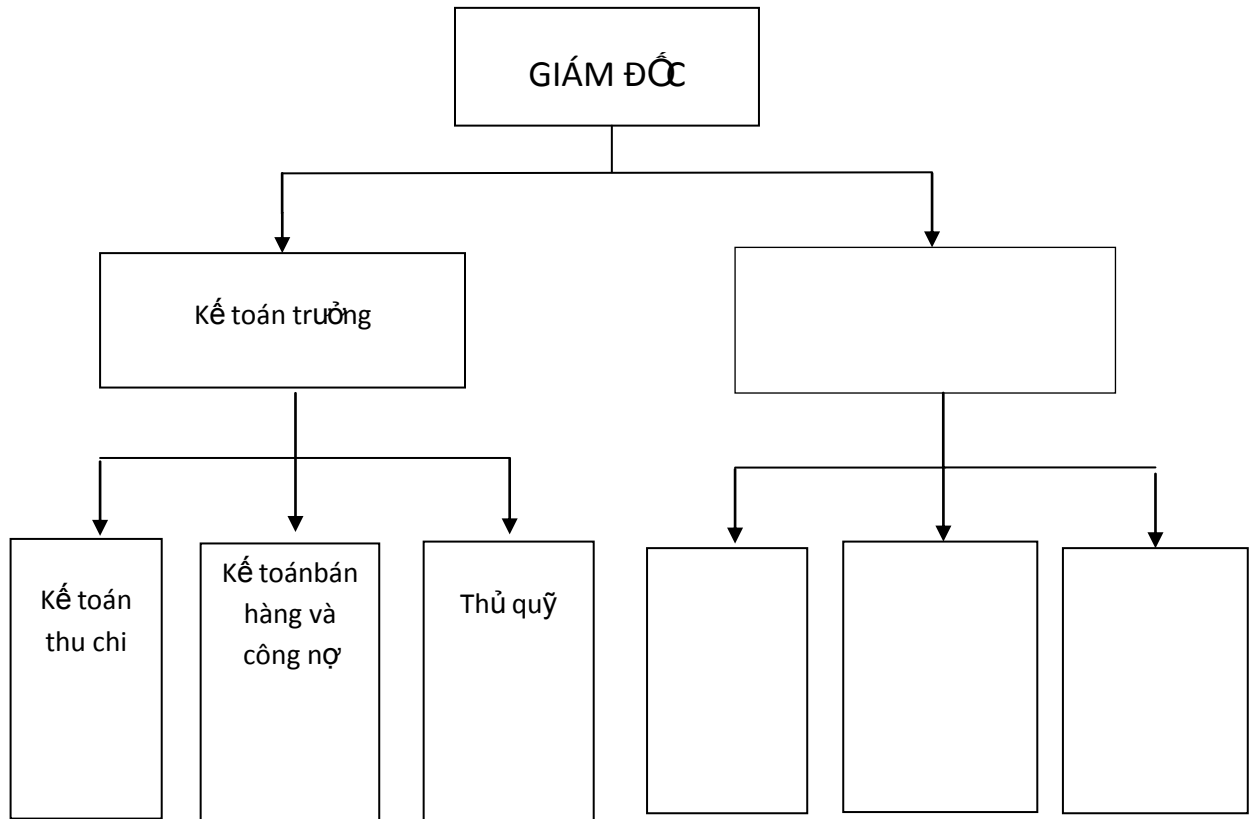
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Hồng Dương

Công ty TNHH Hồng Dương với chức năng, nhiệm vụ chính là: Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy, kinh doanh than mỏ các loại, sửa chữa tàu sông, tàu biển. Tuy nhiên nhiệm vụ kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy được đặt lên hàng đầu. Hiện nay phạm vi hoạt động chủ yếu của Công ty là tuyến vận tải Bắc – Nam.

STT	Tên tàu	Trọng tải (tấn)
1	Hồng Dương 16	2.130
2	Hồng Dương 18	2.704
Tổng		<u>4.834</u>

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty TNHH Hồng Dương

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Hồng Dương



Công ty TNHH Hồng Dương có bộ máy quản lý tổ chức tập trung gọn nhẹ. Đứng đầu là Giám đốc, tiếp đến là các phòng chức năng.

➤ **Chức năng nhiệm vụ phân cấp nội bộ công ty:**

- *Giám đốc công ty*

Là người đứng đầu công ty, đồng thời là người trực tiếp lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty qua bộ máy lãnh đạo của công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động đối nội và đối ngoại của công ty.

- *Kế toán trưởng*

Là người trực tiếp chịu sự chỉ đạo của Giám đốc, có chức năng tổ chức thực hiện việc ghi chép, xử lý và cung cấp các số liệu về tình hình tài chính kế toán của công ty, thực hiện phân tích hoạt động kinh tế theo yêu cầu của Ban giám đốc kết hợp với các bộ phận khác nhằm giám sát quá trình sản xuất kinh doanh đảm bảo nhu cầu về vốn cho sản xuất, thực hiện việc tính toán chính xác cho sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận theo quy định của nhà nước.

- *Phó giám đốc phụ trách hàng hải*

Đối với công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải đây là bộ phận quan trọng: Phụ trách cả về mặt chế tài hàng hải và tiến độ hàng hải cho các tàu của Công ty. Nhận các thông tin từ các thuyền trưởng, trưởng phòng khai thác hàng hải và trưởng phòng pháp chế hàng hải để giúp giám đốc đưa ra những quyết định đúng đắn về thị trường hàng hóa, mức độ trung chuyển, tiến độ làm hàng của mỗi phương tiện nhằm đảm bảo nguồn hàng ổn định cho Công ty, đảm bảo tính tin cậy của bạn hàng và các đối tác cung cấp nhiên liệu.

+ *Thuyền trưởng*: Là người trực tiếp tham gia các chuyến vận chuyển, phụ trách điều khiển phương tiện, quản lý thuyền viên.

+ *Trưởng phòng khai thác*: Là người trực tiếp liên hệ với bạn hàng, tìm nguồn hàng cho các tàu của Công ty.

+ *Phụ trách kỹ thuật phương tiện*: Theo dõi máy móc, tiêu hao nhiên liệu từng hành trình đảm bảo phương tiện luôn sẵn sàng hoạt động.

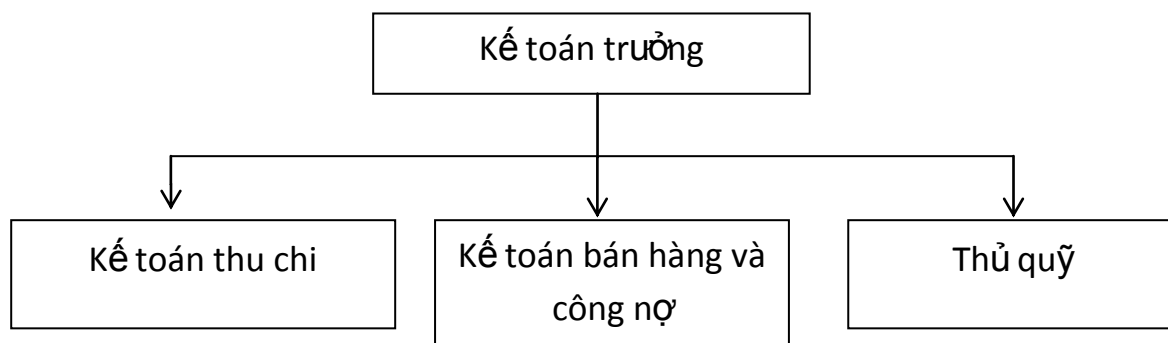
2.2. Khái quát tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Hồng Dương

2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hồng Dương được tổ chức theo hình thức một quản lý nên việc trao đổi thông tin rất ngắn gọn và kịp thời, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với mô hình công ty tư nhân, cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý đưa ra quyết định sáng suốt.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH Hồng Dương



- **Kế toán trưởng**
 - + Kiểm tra định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
 - + Kiểm tra sự chính xác giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp
 - + Kiểm tra số dư cuối kì có hạch toán đúng và khớp với báo cáo chi tiết hay không
 - + Hạch toán thu nhập, chi phí khấu hao, TSCĐ, công nợ, thuế GTGT, báo cáo thuế,...
 - + Lập báo cáo tài chính theo từng tháng, quý, năm
 - + Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định
- **Kế toán thu chi**
 - + Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt
 - + Theo dõi dòng tiền vào, dòng tiền ra của công ty
 - + Theo dõi việc thanh toán của khách hàng
 - + Lưu trữ các chứng từ thu chi
- **Kế toán bán hàng và theo dõi công nợ**
 - + Theo dõi tình hình thanh toán của công ty với khách hàng
 - + Đối chiếu công nợ của công ty với khách hàng
 - + Thực hiện việc ghi chép sổ quỹ
 - + Quản lý chứng từ, sổ sách liên quan đến thu, chi tiền mặt
 - + Quản lý nguồn công nợ qua tài khoản tại các ngân hàng
 - + Bảo quản, lưu trữ chứng từ công nợ
- **Thủ quỹ**
 - + Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt.
 - + Quản lý, bảo quản tiền mặt.
 - + Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.
 - + Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán

2.2.2. Chính sách và phương pháp kế toán

Công ty TNHH Hồng Dương áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành, chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các chứng từ, sổ sách kế toán đều tuân thủ theo đúng quy trình của nhà nước, lập theo mẫu sẵn của Bộ Tài chính ban hành.

- Hình thức kế toán: *Nhật ký chung*
- Công ty áp dụng nộp thuế GTGT: Theo *phương pháp khấu trừ*
- Niên độ kế toán bắt đầu: *Từ 01/01 đến 31/12.*
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán : *Việt Nam đồng*
- Phương pháp hạch toán chi tiết hàng hóa: *Phương pháp thẻ song song*
- Phương pháp khấu hao: *Áp dụng phương pháp khấu hao đều*
- Phương pháp tính giá xuất kho hàng hóa: *Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ*

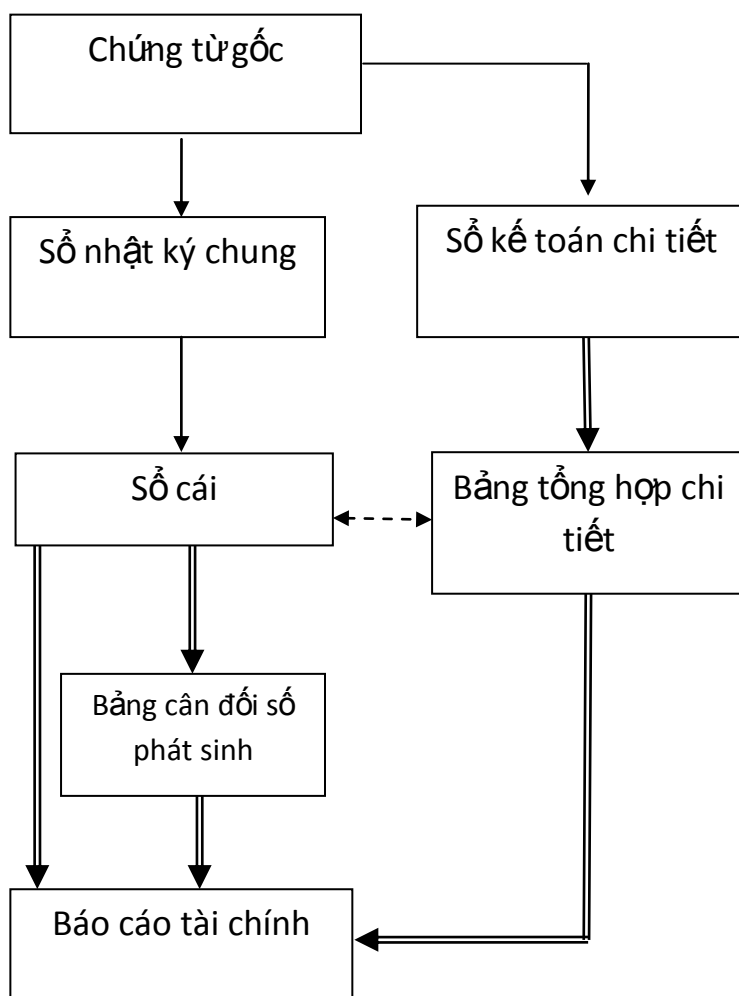
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Kiểm tra, đối chiếu <- - - - ->



Trình tự ghi chép kế toán trong hình thức nhật ký chung như sau:

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào nhật ký chung hoặc bảng kê có liên quan. Trường hợp ghi hàng ngày vào bảng kê thì cuối tháng phải chuyển số liệu tổng của bảng kê vào nhật ký chung.

Đối với các loại chi phí sản xuất hoặc lưu thông, phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, thì các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu của bảng phân bổ ghi vào bảng kê và nhật ký chung có liên quan. Cuối tháng khoá sổ các nhật ký chung, kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chung khi thấy khớp thì lấy số liệu của các nhật ký chung ghi trực tiếp vào sổ cái.

Đối với các tài khoản phải mở sổ chi tiết thì chứng từ gốc sau khi ghi vào nhật ký chung, hoặc bảng kê được chuyển sang các bộ phận kế toán chi tiết để ghi vào sổ kế toán chi tiết. Cuối tháng, cộng các sổ kế toán chi tiết, lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký chung, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết là cơ sở để lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo kế toán khác.

2.3. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hồng Dương

2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

a. Đặc điểm doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty chủ yếu là khoản thu được từ việc cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy. Công ty sử dụng phương thức bán hàng theo hợp đồng: Bên mua và bên bán thực hiện theo như hợp đồng đã được thỏa thuận ký kết.

b. Chứng từ, tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, phụ lục hợp đồng kinh tế (nếu có)
- Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ tài chính
- Lệnh thanh toán tại Ngân hàng

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK3331 : Thuế giá trị gia tăng đầu ra
- TK131 : Phải thu của khách hàng
- TK112 : Tiền gửi ngân hàng

c. Quy trình hạch toán

Kế toán ghi chép phản ánh một cách đầy đủ chính xác kịp thời tình hình bán hàng và cung cấp dịch vụ về mặt số lượng giá trị theo từng hợp đồng.

Khi công ty cung cấp các dịch vụ kế toán lập hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ tài chính, hóa đơn này kế toán lập cho khách hàng trên cơ sở tổng số các dịch vụ phát sinh, các hợp đồng mua bán với đầy đủ chữ ký của người viết, kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị.

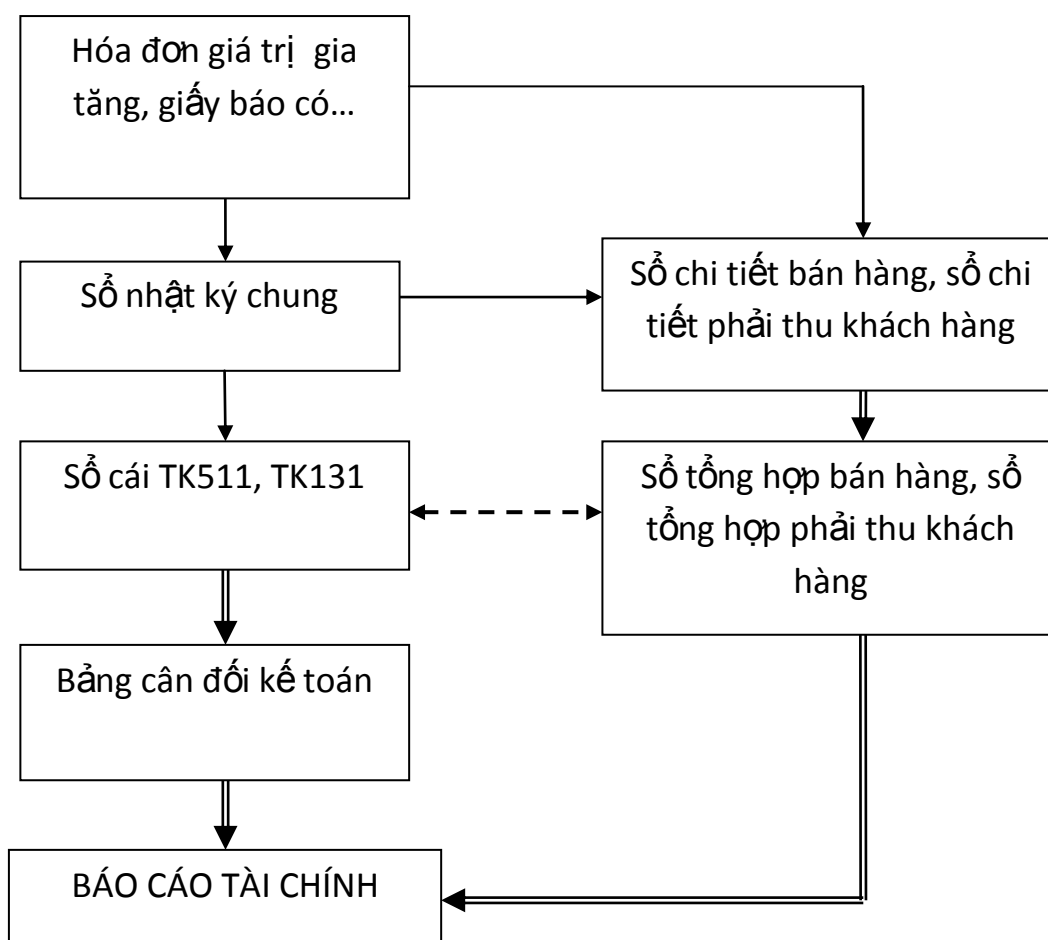
Tính toán chính xác tổng giá trị thanh toán của dịch vụ gồm: Doanh thu bán hàng, thuế giá trị gia tăng đầu ra của từng hóa đơn.

Khi bán hàng thì hình thức thanh toán do hai bên thỏa thuận.

Cơ sở để ghi vào nhật ký chung là hóa đơn giá trị gia tăng, lệnh thanh toán của ngân hàng hoặc bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại. Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ nhật ký chung để phản ánh vào sổ cái tài khoản 511, nếu có các khoản giảm trừ liên quan đến nghiệp vụ bán hàng như thuế tiêu thụ đặc biệt, hoa hồng dẫn khách kế toán sẽ tính doanh thu thuần theo công thức :

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

**Sơ đồ 2.4: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH
Hồng Dương**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

d. Ví dụ cụ thể một số nghiệp vụ phát sinh tháng 11 năm 2014

➤ **VD2.1:**

Ngày 05/11/2014, Tàu Hồng Dương 18 của công ty hoàn thành hợp đồng số 01.11/HĐVC – 2014 vận chuyển than cám cho Công ty CPTM vận tải biển Nam Hưng với số lượng 2.624,13 tấn, đơn giá đã có thuế GTGT 10% là 188.000 đ/tấn từ Đá Bạc (Hải Phòng) đi Cảng Chân Mây (Huế). Khách hàng chưa thanh toán.

Định khoản: Nợ TK131 : 493,336,440

Có TK511 : 448,487,673

Có TK3331 : 44,848,767

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT đầu ra

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/14P

Ngày 05 tháng 11 năm 2014

Số: **0000073**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

Mã số thuế: 0200414216

Địa chỉ: Thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0313.874322

Số tài khoản:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại vận tải biển Nam Hưng

Mã số thuế:

0	2	1	0	7	6	5	9	4	4
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Thôn 7, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
	Cước vận chuyên Than cám theo HĐVC số 01.11/HĐVC – 2014 ký ngày 01/11/2014 từ Đá Bạc (Hải Phòng)-Chân Mây (Huế). (Tàu Hồng Dương 18)	Tấn	2,624.13	170,909.091	448,487,673
Cộng tiền hàng:					448,487,673
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			44,848,767
Tổng cộng tiền thanh toán:					493,336,440
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm chín mươi ba triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi đồng./.</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.2: Lệnh thanh toán



LỆNH THANH TOÁN MAU 01 – TTSP

Ngày giờ lập: 07.11.2014 11:05: 38

So: 07.11

NHTMCP CONG THUONG CN TO HIEU

Ngân hàng phát lệnh: 01203002 _ NH TMCP NGOAI THUONG VIET NAM SO GIAO DICH

Ngân hàng nhận lệnh: 01201001_ NH TMCP CONG THUONG VIET NAM

Loại dien: Mt103 single customer credit transfer

So mtid: 1520310350768204

Ngày giao nhận: 07/11/2014 10:05: 35

Trạng thái dien: Đã đóng

:20: *So tham chiếu giao dịch* 1520310350768204

:23b: *Ma xử lý* CRED

:32a: *Ngày hiệu lực, loại tiền tệ, số tiền của lệnh thanh toán*

07/11/2014 /VND /493,336,440

Bốn trăm chín mươi ba triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng

:50k: *Người phát lệnh*

/00031000202659

Công ty cổ phần thương mại vận tải biển Nam Hưng

:52a: *Ngân hàng người chuyển*

01203002 _ NH TMCP NGOAI THUONG VIET NAM SO GIAO DICH

:56a: *Ngân hàng trung gian*

01201001_ NH TMCP CONG THUONG VIET NAM

:57a: *Ngân hàng người hưởng*

31201006 – NHTMCP CONG THUONG CN TO HIEU

:59: *Người hưởng thu*

/10201.0000.570501

CTY TNHH HONG DUONG

:71a: *phi* OUR

:72: *noi dung thanh toan*

10006626- TC:115200017. TT cuoc van chuyen

Ngân hàng gửi lệnh ghi sổ ngày

Ngân hàng nhận lệnh ghi sổ ngày 07/11/2014 11:05: 38

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu số 2.3: Sổ chi tiết thanh toán với người mua**(Công ty CPTM vận tải biển Nam Hưng)****Đơn vị:** Công ty TNHH Hồng Dương**Mẫu số S30 – DN****Địa chỉ:** An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

ngày 14/09/02006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 11/2014

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty cổ phần thương mại vận tải biển Nam Hưng

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				169,521,550	
			SPS tháng					
							
05/11	0000073	05/11	Doanh thu bán hàng	511	448,487,673		618,009,223	
			Thuế GTGT phải nộp	3331	44,848,767		662,857,990	
07/11	LTT07.11	07/11	Thu tiền bán hàng	112		493,336,440	169,521,550	
							
			Cộng SPS tháng		1,004,056,440	493,336,440		
			Số dư cuối tháng				680,241,550	

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/11/2014 Ngày 30 tháng 11 năm 2014

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4: Sổ tổng hợp thanh toán với người mua
SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Năm 2014

Tài khoản: 131

ST T	Khách hàng	Số dư đầu kỳ		SPS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
						
31	Công ty Vinh Thịnh	-		1,341,191,249	1,341,191,249	-	
32	Công ty Nam Hưng	169,521,550		1,004,056,440	493,336,440	680,241,550	
33	Công ty Nhật Hải Đăng	300,000,000		798,064,000	798,064,000	300,000,000	
34	Công ty Mặt Trời			1,003,350,000	1,003,350,000		
35	Công ty Trường Nam	-		556,171,363	556,171,363	-	
						
	Cộng	820,521,550		12,321,205,464	12,136,190,765	1,005,536,249	

Ngày 30 tháng 11 năm 2014

Người lập
(Ký tên)

Kế toán trưởng
(Ký tên)

Biểu số 2.5: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Hồng Dương

Mẫu số S35 – DN

Địa chỉ: An Lữ, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Sản phẩm: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa (Tàu Hồng Dương 18)

Năm 2014

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							
05/11	0000073	05/11	Công ty CPTM vận tải biển Nam Hưng	131	2,624.13	170,090.091	448,487,673	0
							
10/12	0000079	10/12	Công ty CPTM Nhật Hải Đăng	112	2,652.35	218,181.818	578,694,545	0
20/12	0000080	20/12	Công ty CPTM Nhật Hải Đăng	131	1,700	86,363.636	146,818,188	0
							
			Cộng số phát sinh				11,201,095,886	
			Cộng					

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.6: Sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

(Đơn vị tính: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT Đồng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang					
						
0002802	04/10	Sửa xe tại xí nghiệp Toyota Hải Phòng	X		642 133 111	2,001,860 200,186	2,202,046
0000073	05/11	Doanh thu bán hàng	X		131 511 3331	493.336.440	448,487,673 44,848,767
LTT07.11	07/11	Thu tiền khách hàng bằng chuyển khoản	X		112 131	493.336.440	493.336.440
0029480	10/11	TT tiền xăng ARON	X		642 133 111	10,000,000 1,000,000	11,000,000
						
						
		Cộng chuyển trang sau				90,064,253,877	90,064,253,877

Biểu số 2.7: Sổ cái TK 511

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

(Đơn vị tính: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ Số phát sinh					
							
03/09	0000068	03/09	Cty CP vận tải Nhật Hải Đăng TT cước VC			131		306,613,227
03/09	0000069	03/09	CTY TNHH HH Trường Nam TT cước VC			131		145,454,545
							
05/11	0000073	05/11	CTY CPTM vận tải biển Nam Hưng TT cước VC			131		448,487,673
							
31/12	PKT220	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			911	11,201,095,886	
			Cộng phát sinh				11,201,095,886	11,201,095,886
			Số dư cuối kỳ					

2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Hồng Dương

a. Đặc điểm giá vốn hàng bán

Do đặc điểm của công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa nên giá vốn hàng bán ở đây chính là giá thành của các dịch vụ mà công ty cung cấp cụ thể bao gồm các khoản chi phí:

- Nhiên liệu tiêu thụ vận chuyển: Dầu Diezen, dầu phụ
- Bảo hiểm tàu: Bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm thuyền viên
- Chi phí tiền lương
- Lệ phí cảng biển
- Chi phí sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên
- Phí kiểm tra đăng kiểm định kỳ
- Phí thông tin liên lạc
- Chi phí lãi vay của ngân hàng
-

b. Chứng từ, tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT đầu vào
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi, lệnh chi

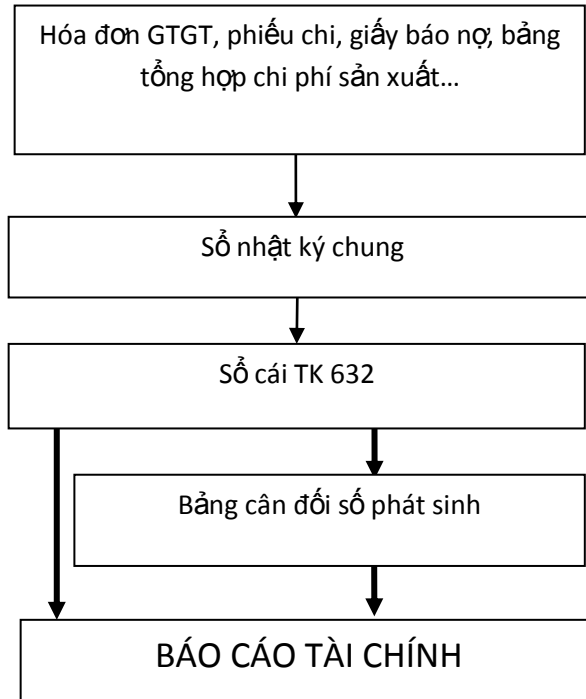
➤ Tài khoản sử dụng

- TK632: Giá vốn hàng bán
- TK154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- TK111, TK112

c. Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi vào bảng tổng hợp chi phí và Nhật ký chung Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 632,... Sau đó, căn cứ vào sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →

Biểu số 2.8: Bảng tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
TÀU HỒNG DƯƠNG 18

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số		
	Số	Ngày			Nợ	Có	
						
05/11	0013154	05/11	Mua sơn, dung môi	Cty CP Sơn Hải Phòng	111	10,251,420	
19/11	0000215	19/11	Phí vệ sinh	Cảng vụ hàng hải Hải Phòng	111	220,000	
21/11	0013391	21/11	Mua sơn	Cty CP Sơn Hải Phòng	111	7,546,775	
26/11	0013453	26/11	Mua sơn	Cty CP Sơn Hải Phòng	111	14,989,076	
27/11	0013479	27/11	Mua sơn	Cty CP Sơn Hải Phòng	111	16,061,150	
30/11	BLT11	30/11	Chi phí lương		334	106,460,000	
30/11	PKT201	30/11	Kết chuyển GVHB tàu Hồng Dương 18		632	274,165,522	
						
			Cộng phát sinh			3,415,821,915	3,415,821,915

Biểu số 2.9: Phiếu kế toán số 201

CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

Địa chỉ: An Lữ, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30/11/2014

Số hiệu: 201

STT	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán tàu Hồng Dương 18	632	154	274,165,522
	Cộng			274,165,522

Ngày 30 tháng 11 năm 2014

Người lập phiếu

Biểu số 2.10: Sổ nhật ký chung**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

(Đơn vị tính: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT Dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang					
						
0013253	11/11	Mua sơn	X		154 133 111	1,527,280 152,728	1,680,008
0013272	13/11	TT tiền sơn công ty Sơn Hải Phòng	X		154 133 111	8,234,570 823,457	9,058,027
						
0000215	19/11	Phí vệ sinh	X		154 111	220,000	220,000
0013391	21/11	Mua sơn	X		154 133 111	7,546,775 754,678	8,301,453
						
BLT11	30/11	Thanh toán lương cho CNV	X		334 111	106,460,000	106,460,000
PKT201	30/11	Kết chuyển GVHB tàu Hồng Dương 18	X		632 154	274,165,522	274,165,522
						
		Cộng chuyển trang sau				90,064,253,877	90,064,253,877

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

(Đơn vị tính: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ Số phát sinh					
							
30/09	PKT180	30/09	Giá vốn hàng bán			154	545,545,000	
31/10	PKT191	31/10	Giá vốn hàng bán			154	300,165,522	
30/11	PKT201	30/11	Giá vốn hàng bán (tàu Hồng Dương 18)			154	274,165,522	
							
31/12	PKT222	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		6,400,821,915
			Cộng phát sinh				6,400,821,915	6,400,821,915
			Số dư cuối kỳ					

2.3.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Chứng từ, tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng
- Bảng phân bổ tiền lương
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thu phí dịch vụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Và các chứng từ khác có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng

- TK6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Các TK liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 331...

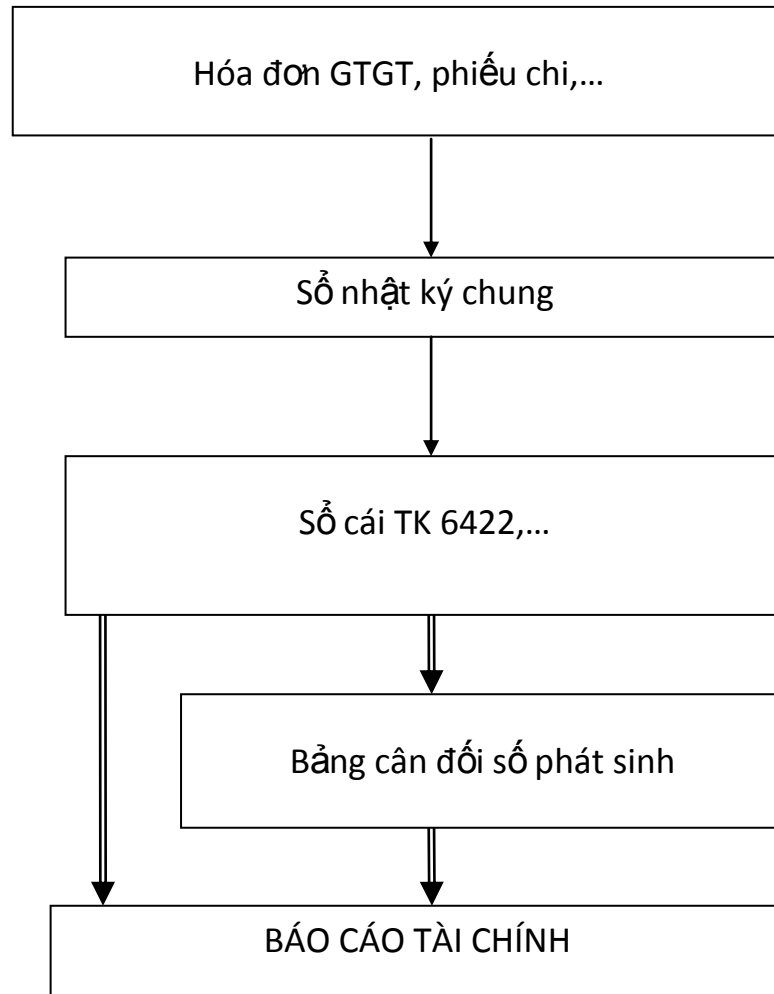
b. Quy trình hạch toán

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán gốc liên quan đến chi phí bán hàng như Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ... kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 6422 và các tài khoản khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời, căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Hồng Dương được khái quát qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 2.6. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi vào cuối kỳ ⇒

c. Ví dụ cụ thể một số nghiệp vụ phát sinh tháng 11 năm 2014

➤ **VD2.2:**

Ngày 05/11/2014 công ty thanh toán tiền điện thoại cho viễn thông Hải Phòng theo hóa đơn số 2018733 với số tiền 550,000 đã bao gồm VAT 10%.

Định khoản:

Nợ 642.2	:	500,000
Nợ 133	:	50,000
Có 111	:	550,000

Biểu số 2.12: Hóa đơn dịch vụ viễn thông

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Liên 2: Giao cho người mua hàng (Customer copy)

Mẫu số: 01GTKT2/001 **VT01**

Ký hiệu (Serial No): AA/14P

Số (No): 2018733

Mã số thuế: 0200287977

Viễn thông Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Chi Phương, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH Hồng Dương

Địa chỉ (Address): An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Số điện thoại (Tel): 913243687

Mã số (code):

HPG-10-002085(H_tng01-01-0072)

Hình thức thanh toán (Kind of payment): TM/CK

MTS: 0200414216

STT(NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng : 11/2014				
	a. Cước dịch vụ Viễn thông				500.000
	b. Cước dịch vụ Viễn thông không thuế:				0
	c. Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ				0
(a + b - c - d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					500.000
TGT (VAT rate): 10% x (a)= Tiền thuế GTGT (VAT mount) (1):					50.000
(1+2-e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					550.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Ngày 05 tháng 11 năm 2014
Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu số 2.13: Phiếu chi số 315

Đơn vị: Công ty TNHH Hồng Dương

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Điện thoại/Fax: 0313.573911

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 11 năm 2014

Số: 315

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Lâm

Địa chỉ : Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Về khoản : Thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông

Số tiền : **550,000đ**

Bằng chữ : *Năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.*

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (bằng chữ): *Mười một triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng./.*

Ngày 05 tháng 11 năm 2014

Người nhận tiền

Thủ quỹ

Nguyễn Thị Lâm

Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

(Đơn vị tính: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT Đồng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang					
						
0002802	04/10	Sửa xe tại xí nghiệp Toyota Hải Phòng	X		642 133 111	2,001,860 200,186	2,202,046
2018733	05/11	Cước dịch vụ viễn thông	X		642 133 111	500,000 50,000	550,000
0029480	10/11	TT tiền xăng ARON	X		642 133 111	10,000,000 1,000,000	11,000,000
						
		Cộng chuyển trang sau				90,064,253,877	90,064,253,877

Biểu số 2.15: Sổ cái TK 642

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

(Đơn vị tính: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ Số phát sinh					
							
05/11	2018733	05/11	Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông			642	500,000	
10/11	0029480	10/11	TT tiền xăng ARON			642	10,000,000	
							
31/12	PKT224	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			911		384,668,527
			Cộng phát sinh				384,668,527	384,668,527
			Số dư cuối kỳ					

2.3.4. Kế toán hoạt động tài chính của Công ty

a. Đặc điểm hoạt động tài chính

Kế toán hoạt động tài chính của Công ty TNHH Hồng Dương phát sinh trong tháng bao gồm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, đó là khoản lãi từ tiền gửi ngân hàng và khoản lãi tiền vay ngân hàng do trong quá trình sản xuất kinh doanh công ty vay vốn để kinh doanh.

b. Chứng từ tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng:

- Lệnh chi
- Phiếu thu lãi tự động

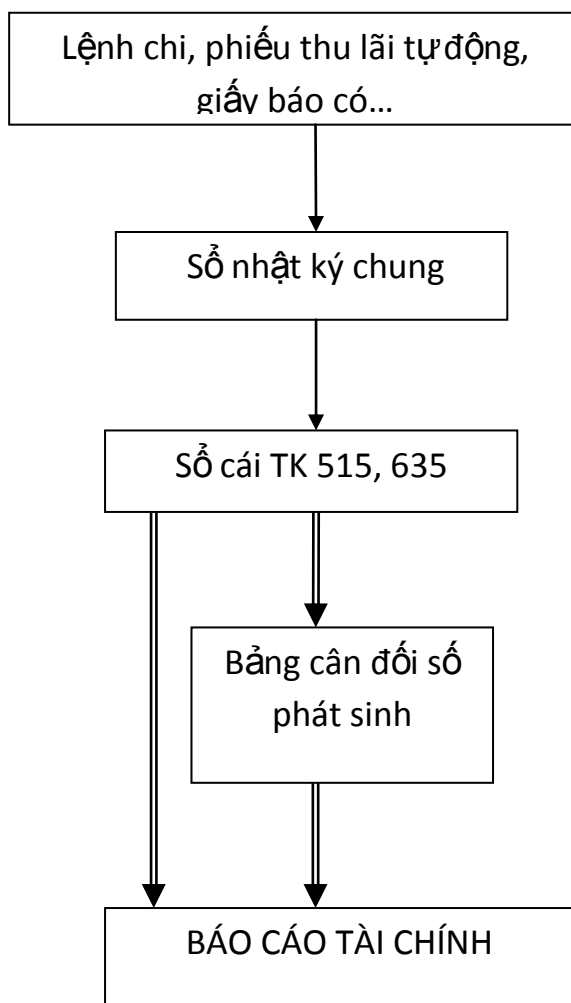
➤ Tài khoản sử dụng:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được kế toán theo dõi và hạch toán vào tài khoản 515 doanh thu hoạt động tài chính.

- Khoản lãi tiền vay ngân hàng được kế toán theo dõi và hạch toán vào tài khoản 635 chi phí hoạt động tài chính.

c. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7 Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>

d. Ví dụ cụ thể một số nghiệp vụ phát sinh tháng 11 năm 2014

➤ **VD2.3:** Ngày 25/11/2014 công ty phải trả lãi vay ngân hàng tài khoản 221110016703930 với số tiền là 3,138,167đ.

Đinh khoản: Nợ 635 : 3,138,167
Có 112 : 3,138,167

Biểu số 2.16: Phiếu thu lãi tự động

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



CHI NHANH (Branch): 161NHTMCP CONG THUONG CN TO HIEU

Mau so: 01GTKT2/008

Địa chỉ (Address): 116 Tô Hiệu, Q. Lê Chân, Hải Phòng

Ký hiệu: VT/14T

Mã số thuế (Tax code): 0100111948102

Số (No): 0001269

PHIEU THU LAI TU DONG

Lien 2: Giao KH

Tên khách hàng (Name of customer): CT TNHH HONG DUONG

Số tài khoản ghi nợ (Debit A/C No): 102010000570501

Số giao dịch: 55

Số tài khoản ghi có (Credit A/C No): 224110000925444

Ngày hạch toán: 25/11/2014

MST (Tax code): 0200414216

Địa chỉ (Address): An Lữ, Thủy Nguyễn, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tiền (Amount): 3,138,167

Loại tiền: VND

Tỷ giá (Rate): 1.00

Tiền thuế GTGT: Dịch vụ không chịu thuế GTGT

Số tiền bằng chữ (Total amount in words) Ba triệu một trăm ba mươi tám ngàn một trăm sáu mươi bay đồng

Nội dung (Remark): Thu lãi vay

Giao dịch viên Kiem soát viên

(Teller)

(Supervisor)

Biểu số 2.18: Sổ nhật ký chung**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

(Đơn vị tính: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
							
22/11	0001223	22/11	Trả lãi TK 224110000897747	X		635 112	579,425	579,425
							
25/11	0001269	25/11	Trả lãi TK 221110016703930	X		635 112	3,138,167	3,138,167
30/11	GBC30.11	30/11	Lãi TK tiền gửi	X		112 515	17,011	17,011
							
31/12	PKT221	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	X		515 911	951,650	951,650
31/12	PKT223	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	X		911 635	764,313,426	764,313,426
							
			Cộng chuyển trang sau				90,064,253,877	90,064,253,877

Ngày 30 tháng 11 năm 2014

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.19: Sổ cái TK515**SỔ CÁI****Năm 2014**

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

(Đơn vị tính: Đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ Số phát sinh					
							
28/11	GBC28.11	28/11	Lãi TK tiền gửi			112		189,982
29/11	GBC29.11	29/11	Lãi TK tiền gửi			112		85,964
30/11	GBC30.11	30/11	Lãi TK tiền gửi			112		17,011
							
31/12	PKT221	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính			911	951,650	
							
			Cộng phát sinh				951,650	951,650
			Số dư cuối kỳ					

Biểu số 2.20: Sổ cái TK635**SỔ CÁI****Năm 2014**

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

(Đơn vị tính: Đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ Số phát sinh					
							
22/11	0001223	22/11	Trả lãi TK 224110000897747				579,425	
24/11	0001245	24/11	Trả lãi TK 224110000897679				975,563	
25/11	0001269	25/11	Trả lãi TK 221110016703930			112	3,138,167	
							
31/12	PKT223	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			911		764,313,426
			Cộng phát sinh				764,313,426	764,313,426
			Số dư cuối kỳ					

2.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Chứng từ tài khoản sử dụng

➤ **Chứng từ sử dụng**

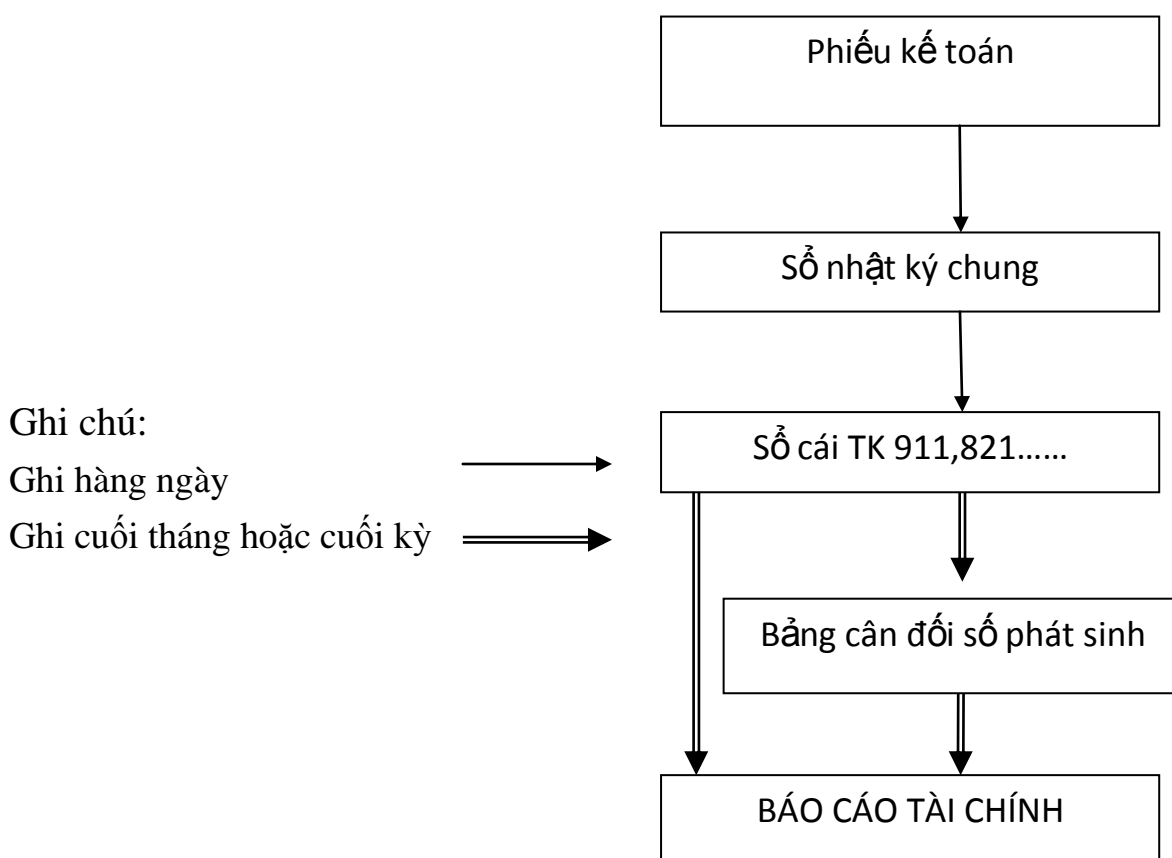
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK421: Lợi nhuận chưa phân phối
- TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

b. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh



c. Ví dụ cụ thể

➤ VD2.5:

Ngày 31/12/2014, tại Công ty TNHH Hồng Dương kế toán tập hợp được số liệu như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	:	11,201,095,886
- Các khoản giảm trừ doanh thu	:	0
- Giá vốn hàng bán	:	6,400,821,915
- Doanh thu hoạt động tài chính	:	951,650
- Chi phí tài chính	:	764,313,426
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	:	384,668,527
- Thu nhập khác và chi phí khác	:	0

➤ Xác định kết quả sản xuất kinh doanh

- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là:

$$11,201,095,886 - 0 = 11,201,095,886$$

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là:

$$11,201,095,886 - 6,400,821,915 = 4,800,273,971$$

- Lợi nhuận khác = 0

- Thu nhập chịu thuế là:

$$4,800,273,971 + 951,650 - 764,313,426 - 384,668,527 = 3,652,243,668$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = 3,652,243,668 > 0 \Rightarrow \text{Lãi}$$

- Thuế TNDN phải nộp là:

$$3,652,243,668 \times 20\% = 730,448,734$$

- Kết quả sản xuất kinh doanh:

$$3,652,243,668 - 730,448,734 = 2,921,794,934$$

➤ Kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911

- Kết chuyển doanh thu :	Nợ TK 511	:	11,201,095,886
	Nợ TK 515	:	951,650
	Có TK 911	:	11,202,047,536
- Kết chuyển giá vốn, chi phí:	Nợ TK 911	:	7,549,803,868
	Có TK 632	:	6,400,821,915
	Có TK 635	:	764,313,426
	Có TK 642	:	384,668,527

- Thuế TNDN phải nộp:	Nợ TK821	:	730,448,734
	Có TK3334	:	730,448,734
- Kết chuyển thuế TNDN:	Nợ 911	:	730,448,734
	Có 821	:	730,448,734
- Kết chuyển lãi:	Nợ TK 911	:	2,921,794,934
	Có TK 421	:	2,921,794,934

Biểu số 2.21. Phiếu kế toán số 220

CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 220

STT	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	11,201,095,886
	Cộng			11,201,095,886

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Biểu số 2.22. Phiếu kế toán số 221

CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 221

STT	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	951,650
				951,650

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Biểu số 2.23. Phiếu kế toán số 222

CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 222

STT	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	911	6,400,821,915
	Cộng			6,400,821,915

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Biểu số 2.24. Phiếu kế toán số 223

CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 223

STT	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	911	764,313,426
	Cộng			764,313,426

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Biểu số 2.25. Phiếu kế toán số 224

CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 224

STT	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	911	384,668,527
	Cộng			384,668,527

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Biểu số 2.26. Phiếu kế toán số 225

CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 225

STT	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển Thuế TNDN	911	821	730,448,734
	Cộng			730,448,734

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Biểu số 2.27. Phiếu kế toán số 226

CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 226

STT	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi	911	421	2,921,794,934
	Cộng			2,921,794,934

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Biểu số 2.28: Sổ nhật ký chung**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

(Đơn vị tính: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT Đồng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang					
						
PKT220	31/12	Kết chuyển DTBH	X		511 911	11,201,095,886	11,201,095,886
PKT221	31/12	Kết chuyển DTTC	X		515 911	951,650	951,650
PKT222	31/12	Kết chuyển GVHB	X		911 632	6,400,821,915	6,400,821,915
PKT223	31/12	Kết chuyển CPTC			911 635	764,313,426	764,313,426
PKT224	31/12	Kết chuyển CP QLDN	X		911 642	384,668,527	384,668,527
PKT225	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	X		911 821	730,448,734	730,448,734
PKT226	31/12	Kết chuyển lãi			911 421	2,921,794,934	2,921,794,934
						
		Cộng chuyển trang sau				90,064,253,877	90,064,253,877

Biểu số 2.29. Sổ cái TK911

Đơn vị: Công ty TNHH Hồng Dương
Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số: S03B - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tài khoản : 911 - Xác định kết quả kinh doanh

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh			
31/12	PKT 220	31/12	Kết chuyển DTBH	511		11,201,095,886
31/12	PKT 221	31/12	Kết chuyển DTTC	515		951,650
31/12	PKT 222	31/12	Kết chuyển GVHB	632	6,400,821,915	
31/12	PKT 223	31/12	Kết chuyển CPTC	635	764,313,426	
31/12	PKT 224	31/12	Kết chuyển CP QLDN	642	384,668,527	
31/12	PKT 225	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	821	730,448,734	
31/12	PKT 226	31/12	Kết chuyển lãi	421	2,921,794,934	
			- Cộng số phát sinh		11,202,047,536	11,202,047,536
			- Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
- Ngày mở sổ 01/01/2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.30.Sổ cái tài khoản 421

Đơn vị: Công ty TNHH Hồng Dương

Mẫu số: S03B - DNN

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tài khoản : 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			-
			- Số phát sinh			
31/12	PKT 226	31/12	Kết chuyển lãi	911		2,921,794,934
			- Cộng số phát sinh			2,921,794,934
			- Số dư cuối kỳ			2,921,794,934

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ 01/01/2014

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.31. Báo cáo kết quả kinh doanh 2014

Đơn vị: Công ty TNHH Hồng Dương

Mẫu số: S03B - DNN

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2014

ĐVT: VNĐ

Năm 2014	Mã số	Cuối kỳ	Đầu kỳ
1. Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	01	11,201,095,886	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về hàng bán và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	10	11,201,095,886	
4. Giá vốn hàng bán	11	6,400,821,915	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20	4,800,273,971	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	951,650	
7. Chi phí tài chính	22	764,313,426	
* Trong đó: Chi phí lãi vay	23	764,313,426	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	384,668,527	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21-22-24)	30	3,652,243,668	
10. Thu nhập khác	31	-	
11. Chi phí khác	32	-	
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	-	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50	3,652,243,668	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	730,448,734	
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	2,921,794,934	

*Hải Phòng, Ngày 31 tháng 01 năm
2015*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương

Với gần mười lăm năm hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ vận tải biển, Công ty TNHH Hồng Dương được đánh giá là một trong những Doanh nghiệp vừa và nhỏ có năng lực cũng như kinh nghiệm cao trong ngành. Uy tín của doanh nghiệp không ngừng được nhân lên không những trong thị trường trong nước mà còn mở rộng ra nước ngoài. Mặc dù quá trình khai thác của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn song Công ty vẫn đảm bảo hiệu quả trong cung cấp dịch vụ, thực hiện ở mức độ tối đa theo hợp đồng kinh tế, Doanh thu năm sau cao hơn năm trước, thu nhập của cán bộ công nhân viên ngày càng ổn định.

3.1.1. Những kết quả đạt được

Trong quá trình học tập và tìm hiểu thực tế về phần hành kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương em thấy rằng:

Bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng của Công ty đã không ngừng đổi mới hoàn thiện và nâng cao năng lực để đáp ứng yêu cầu cho mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Thứ nhất: Về bộ máy quản lý

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý tập trung, thống nhất, linh hoạt tạo điều kiện cho kế toán kiểm tra và giám sát chặt chẽ các hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả. Các phòng ban hoạt động độc lập và hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết, đảm bảo hoàn thành tốt mọi hoạt động của Công ty.

- Thứ hai: Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, cơ cấu gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm của Công ty. Quy trình làm việc của bộ máy kế toán khoa học, mỗi cán bộ kế toán đều làm việc đúng với trình độ và khả năng của mình, đội ngũ kế toán đều có kinh nghiệm chuyên môn vững vàng về lĩnh vực tài chính kế toán, vận dụng điều tiết linh hoạt vào thực tế, bên cạnh đó cùng với sự phối hợp của các phòng ban chức năng trong Công ty nhờ vậy mà công

tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của hàng hóa, dịch vụ được thực hiện một cách hiệu quả, xử lý và cung cấp các thông tin về chỉ tiêu doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách kịp thời cho lãnh đạo Công ty có phương hướng phát triển trong những kỳ tới.

Công ty chú trọng tới vấn đề nâng cao công tác kế toán, thường xuyên tạo điều kiện cử cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng đào tạo nghiệp vụ kế toán.

- **Thứ ba: Về chứng từ sử dụng**

Các chứng từ về tiêu thụ ban đầu tổ chức luân chuyển hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ thông tin và nhanh chóng.

- **Thứ tư: Về hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán do Bộ tài chính ban hành, vận dụng hình thức kế toán Nhật ký chung phù hợp với quy mô của Công ty. Việc áp dụng hình thức kế toán này trong hạch toán kế toán đảm bảo ghi chép thông tin đầy đủ, chi tiết, chính xác, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu sau này thông qua đó giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết nhanh chóng kết quả và tình hình kinh doanh.

- **Thứ năm: Về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Kế toán về doanh thu, chi phí được hạch toán kịp thời: Các khoản doanh thu bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính,...phát sinh trong kỳ đều được theo dõi đầy đủ trên các sổ kế toán. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi tiết từng khách hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình thanh toán, ứ đọng vốn đồng thời phù hợp với yêu cầu theo dõi công nợ của công ty. Công ty cũng theo dõi chi phí chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Từ đó giúp ban lãnh đạo thấy được sự biến động chi phí của từng loại hình từ đó sẽ đưa ra được các chính sách tiết kiệm chi phí.

Để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, Công ty đã áp dụng nhiều hình thức thanh toán nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng. Hình thức thanh toán được thỏa thuận rõ trong hợp đồng kinh tế.

3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục

- **Thứ nhất :Về ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác kế toán**

Hiện nay Công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của Công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào mà mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương

trình Word, Excel và ghi chép thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán của Công ty phải đảm nhiệm một khối lượng công việc rất lớn do đó đòi hỏi cần có máy móc công nghệ trợ giúp là điều rất cần thiết. Công ty đã sử dụng máy vi tính nhưng không tận dụng hết chức năng gây lãng phí và hiệu quả công việc không cao.

- **Thứ hai: Về tổ chức hệ thống sổ kế toán**

Công ty không mở các sổ nhật ký chuyên dùng như sổ nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền điều này làm cho công ty gặp khó khăn trong việc theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng nhất là hình thức bán hàng thu tiền sau cũng như việc quản lý chi phí, kiểm tra đối chiếu sổ sách kế toán.

- **Thứ ba: Về kế toán công nợ**

Công ty áp dụng cả hình thức thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm nhưng hiện nay trong công tác kế toán công ty vẫn chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Vì vậy khi có trường hợp không đòi được số nợ (khách hàng trốn nợ hoặc không có khả năng thanh toán nợ) thì việc phản ánh doanh thu bán hàng của công ty sẽ không được đảm bảo chính xác và hợp lý.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương.

Hoàn thiện công tác kế toán là yêu cầu cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp nhằm thúc đẩy quá trình hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý. Trong thời gian thực tập được tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hồng Dương, qua những ưu nhược điểm của Công ty em nhận thấy rằng để Công ty tồn tại và ngày càng phát triển vững mạnh trong nền kinh tế thị trường hiện nay, Công ty cần phải phát huy những mặt tích cực mà đã và đang từng bước thực hiện như: Thường xuyên nâng cao trình độ của cán bộ quản lý, cũng như của công nhân viên, đầu tư đổi mới trang thiết bị khoa học kỹ thuật, đầu tư cho bộ phận khai thác, quản lý để nâng cao năng lực khai thác hợp đồng, đẩy mạnh sức cạnh tranh, tiết kiệm chi phí... từ đó tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Trên cơ sở nghiên cứu về lý luận và thực tế tại công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến và giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty như sau:

3.2.1. Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty

Hiện nay, công tác kế toán tại Công ty TNHH Hồng Dương vẫn được thực hiện một cách thủ công. Mặc dù phòng Kế toán được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Excel để hạch toán.

Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng công nghệ thông tin. Cụ thể là áp dụng các phần mềm kế toán máy vào trong công tác kế toán nhằm giảm chi phí, không tốn nhiều thời gian mà đạt hiệu quả cao, hoàn thành các báo cáo tài chính đúng thời hạn quy định, không sai sót gây thiệt hại cho công ty. Đồng thời phải đẩy mạnh công tác đào tạo nhân viên thích ứng với các phần mềm kế toán, từ đó giúp ban lãnh đạo quản lý được chặt chẽ, kiểm soát được mọi hoạt động kinh doanh của Công ty mình

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, ESOFT, ACMAN, FAST... đây là các phần mềm rất hay và phổ biến trên thị trường. Khi sử dụng các phần mềm này, máy sẽ tự động chạy tất cả các số liệu vào các sổ kế toán có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập chứng từ phân bổ và kết chuyển, từ đó lập lên báo cáo tài chính.

Ví dụ một số phần mềm:

- **Phần mềm kế toán MISA:** Cụ thể là phần mềm MISA SME.NET 2012.

Phần mềm này áp dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, dễ tiếp cận, dễ cài đặt, dễ sử dụng, quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. MISA SME.NET 2012 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, Dịch vụ, Xây lắp, Sản xuất.

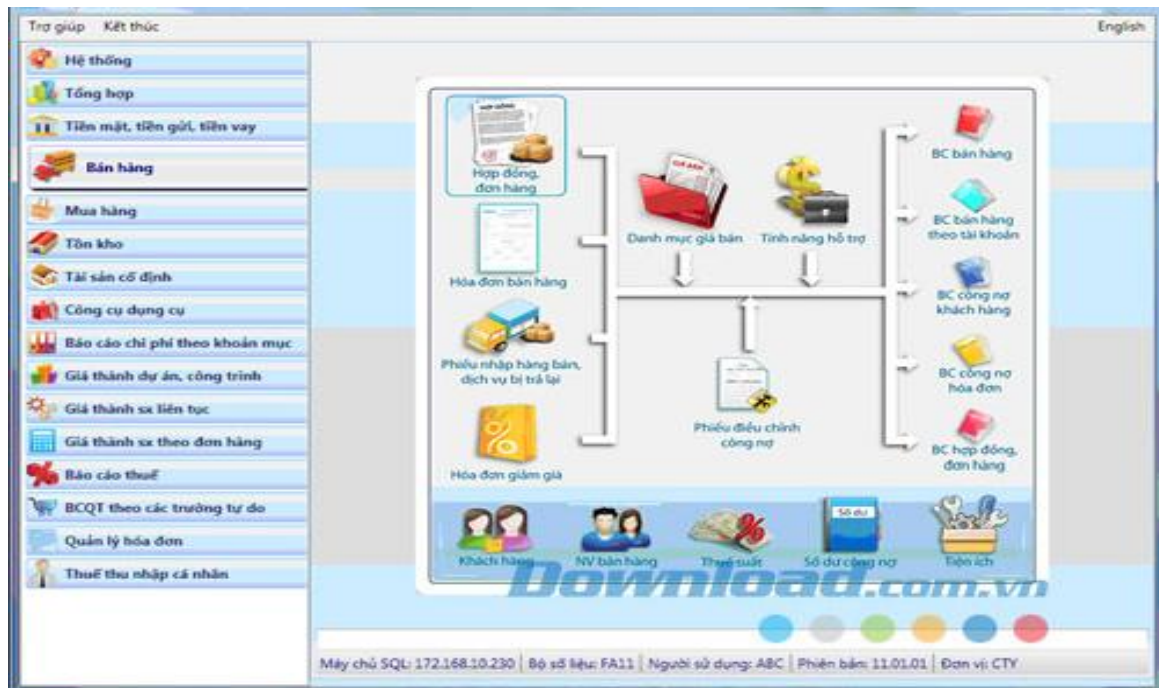
Quản lý tổng quan tình hình tài chính một cách tập trung giúp nhà quản trị luôn nắm được tình hình sức khỏe của doanh nghiệp. Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm...

Màn hình phần mềm kế toán MISA



- **Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2011:** Là công cụ hữu hiệu giúp làm kế toán nhanh và hiệu quả.

Màn hình phần mềm kế toán FAST 2011



3.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán

Hệ thống sổ kế toán ở mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại Công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện thì phải bao gồm từ hệ thống sổ chi tiết tới tổng hợp.

Vì là công ty cung cấp dịch vụ nên hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thanh toán bằng nhiều hình thức dẫn tới việc khó khăn trong theo dõi công nợ. Vì vậy công ty nên mở các sổ Nhật ký bán hàng để giảm bớt khối lượng ghi Sổ cái và phù hợp với hình thức Nhật ký chung, đảm bảo tổng hợp chi tiết đầy đủ nhất về các khoản thu.

Ngày ký thu tiền là sổ nhật ký đặc biệt dùng để ghi chép các nghiệp vụ thu tiền của doanh nghiệp. Mẫu sổ này được mở riêng cho thu tiền mặt, thu qua ngân hàng, cho từng loại tiền hoặc cho từng nơi thu.

Ngày ký bán hàng là sổ nhật ký đặc biệt dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của doanh nghiệp như: Bán hàng hóa, bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ...

a. Ví dụ minh họa

➤ VD3.1: (Minh họa tiếp nghiệp vụ của VD2.1)

Ngày 05/11/2014 Công ty hoàn thành hợp đồng số 01.11/HĐVC – 2015 vận chuyển than cám cho Công ty CPTM vận tải biển Nam Hưng với số lượng 2,624.13 tấn, đơn giá chưa VAT 10% là 170,909.091 đ/tấn từ Đá Bạc- Hải Phòng đi Cảng Chân Mây- Huế. Khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào hóa đơn 0000073 (Biểu số 2.1), kế toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ nhật ký bán hàng (Biểu 3.1)

Biểu số 3.1: Sổ nhật ký bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Hồng Dương

Mẫu số : S04 – DNN

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG Năm 2014 (Trích)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua	Ghi có tài khoản doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hóa	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang				
						
05/11	HĐ0000073	05/11	Vận chuyển hàng hóa	Công ty Nam Hưng			448,487,673
						
			Cộng chuyển sang trang sau				

Số này có... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

- Ngày mở sổ: 01/01/2014

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.3. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi hiện nay vẫn chưa sử dụng. Vì thế công ty nên tiến hành trích lập dự phòng, bởi vì khách hàng của công ty hiện nay trả chậm khá nhiều, có các khách hàng thanh lý hợp đồng vận chuyển đã lâu, quá hạn hợp đồng nhưng vì nhiều lý do không thích hợp mà vẫn chưa thanh toán cho công ty.

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

➤ Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ...
- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc giấy nhận nợ.
- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân,...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

➤ Phương pháp xác định:

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

➤ **Mức trích lập:** (theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 có bổ sung thêm thông tư 200/2014/TT-BTC

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 120% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

➤ **Tài khoản sử dụng:** TK 229 – “Dự phòng tổn thất tài sản”

Tài khoản 229 có 4 TK cấp 2:

- Tài khoản 2291: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

- Tài khoản 2292: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

- Tài khoản 2293: Dự phòng phải thu khó đòi'. Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi.

- Tài khoản 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ **Kết cấu tài khoản:**

Bên Nợ	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho. - Xóa các khoản giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho được lập tính vào chi phí quản lý. - Dư có: Số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

➤ **Phương pháp hạch toán**

- Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán phần chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 6422:

Có TK 229:

- Nếu dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK 229:

Có TK 6422:

- Xóa nợ:

Nợ TK 229: (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 6422: (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131:

Có TK 138:

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112:

Có TK 711:

➤ **Ví dụ minh họa:** Tại Công ty TNHH Hồng Dương trong năm 2014 có phát sinh các khoản nợ phải thu quá hạn (dưới 1 năm) là 100,000,000 đồng và theo quy định của công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 147,300,000 đồng (30% x 491,000,000). Đối với khoản nợ không đòi được của công ty TNHH Sông Thao là 5,550,000 đồng, công ty cần xóa sổ cho khách hàng.

Biểu số 3.2: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

STT	Tên khách hàng	Số tiền thu	T/g quá hạn	Mức trích lập	Số tiền trích lập
1	2	3	4	5	6 = 3 x 5
1	Công ty TNHH An Hải	100,000,000	7 tháng	30%	30,000,000
2	Công ty TNHH Thành An	251,000,000	8 tháng	30%	75,300,000
3	Công ty CP Sao Mai	140,000,000	8 tháng	30%	42,000,000
	Cộng				147,300,000

- Vay kế toán công ty sẽ trích lập dự phòng giá trị khoản nợ phải thu quá hạn trên:

Định khoản: Nợ 6422 : 147,300,000

Có 229 : 147,300,000

- Còn đối với khoản nợ không đòi được của công ty TNHH Sông Thao, công ty đã nhiều lần cử nhân viên đến đòi nợ nhưng vẫn không đòi được và hiện giờ công ty TNHH Sông Thao đã giải thể nên khoản nợ không đòi được này cần được kế toán thực hiện xóa sổ khỏi sổ sách kế toán:

Định khoản: Nợ 229 : 5,550,000

Có 131 : 5,550,000

Biểu số 3.3. Phiếu kế toán số 227

CÔNG TY TNHH HỒNG DƯƠNG

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31/12/2014

Số hiệu: 227

STT	Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	6422	229	147,300,000
	Cộng			147,300,000

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu

Biểu số 3.4: Sổ nhật ký chung**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

(Đơn vị tính: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT Dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang					
						
PKT227	31/12	Trích lập dự phòng nợ khó đòi	X		6422 229	147,300,000	147,300,000
	31/12	Xóa sổ nợ không đòi được	X		229 131	5,550,000	5,550,000
						
		Cộng chuyển trang sau				90,064,253,877	90,064,253,877

Biểu số 3.5: Sổ cái TK642

Đơn vị: Công ty TNHH Hồng Dương

Mẫu số: S03B - DNN

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2014

Tài khoản : 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh			
					
31/12	PKT227	31/12	Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	229		147,300,000
					
			- Cộng số phát sinh			
			- Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ 01/01/2014

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Nền kinh tế nước ta đang từng bước đổi mới, mở cửa và quốc tế hóa đời sống kinh tế xã hội để hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới.

Vận động trong nền kinh tế thị trường, mỗi doanh nghiệp phải tự chủ trong sản xuất kinh doanh của mình: “Lời ăn lỗ chịu”. Vì vậy các doanh nghiệp phải có mục tiêu nhất định khi tiến hành sản xuất kinh doanh. Khác với cơ chế quản lý kinh tế cũ, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là họ phải biết mình cần sản xuất cái gì? Sản xuất như thế nào? Và sản xuất cho ai?... Trong sản xuất kinh doanh quản lý tài chính là một vai trò quan trọng, nó quyết định tính độc lập, sự thành bại của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Nhận thức rõ điều này Công ty TNHH Hồng Dương đã lựa chọn cho mình một hướng đi riêng, phát triển quyền lợi tự chủ trong hoạt động kinh doanh

đã giúp em hiểu và nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cũng tương đối khoa học và hợp lý, song cũng không thể tránh khỏi những hạn chế. Trên đây là một số ý kiến, đánh giá và giải pháp của cá nhân em nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH

Do kiến thức có hạn, thời gian nghiên cứu thực tế tại Công ty còn chưa sâu do đó bài làm của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ phía các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn tới các cán bộ công nhân viên Công ty TNHH Hồng Dương đã giúp đỡ em nhiệt tình để hoàn thành bài khóa luận này. Đặc biệt, em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Thạc sĩ Nguyễn Thị Thúy Hồng, người đã trực tiếp tận tụy hướng dẫn em để em có thể hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!